

Số: 13 /2025/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

VĂN PHÒNG BỘ QUỐC PHÒNG	
VĂN BẢN ĐIỆN TỬ	Số: 14547D..... Ngày: 03/10/2025..... Chuyển:.....

THÔNG TƯ**Quy định về chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng, khai thác
Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định:

a) Chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Thông tư này không điều chỉnh:

a) Chế độ báo cáo thống kê thực hiện theo quy định của pháp luật về thống kê;

b) Chế độ báo cáo trong nội bộ các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

c) Chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây viết tắt là Hệ thống thông tin báo cáo) là Hệ thống thông tin thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu báo cáo và cung cấp số liệu để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cung cấp số liệu theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Tài khoản người dùng là tài khoản của Lãnh đạo, công chức, viên chức được quản trị Hệ thống tạo ra để sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo.

Điều 4. Các chế độ báo cáo

1. Các chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bao gồm:

- a) Báo cáo định kỳ;
- b) Báo cáo đột xuất;
- c) Báo cáo chuyên đề.

2. Chế độ báo cáo theo quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 09/2019/NĐ-CP).

Điều 5. Nguyên tắc, yêu cầu ban hành và thực hiện chế độ báo cáo

Việc ban hành, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện theo quy định của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP, các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Thông tư này.

Chương II **CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ**

Điều 6. Các chế độ báo cáo định kỳ

1. Báo cáo công tác các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo tháng, quý, 6 tháng, năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác tháng liền kề, quý liền kề, 6 tháng cuối năm, năm liền kề.

2. Báo cáo kết quả thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm.

3. Báo cáo lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan.

4. Báo cáo tổng kết công tác quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại.

5. Báo cáo lĩnh vực xuất bản và phát hành.

6. Báo cáo lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.

7. Báo cáo định kỳ khác quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 7. Nội dung chế độ báo cáo định kỳ

1. Nội dung chế độ báo cáo định kỳ thực hiện theo quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và các quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này.

2. Đối tượng thực hiện báo cáo định kỳ được ghi cụ thể tại từng Mẫu đề cương báo cáo quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, có trách nhiệm:

a) Thu thập, tổng hợp, cập nhật thông tin, số liệu báo cáo bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn theo yêu cầu;

b) Điều chỉnh, bổ sung thông tin, số liệu theo yêu cầu trong trường hợp cơ quan nhận báo cáo trả lại.

3. Cơ quan nhận báo cáo định kỳ được ghi cụ thể tại từng Mẫu đề cương báo cáo quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, tổng hợp thông tin, số liệu từ các báo cáo gửi đến, duyệt và báo cáo cấp có thẩm quyền;

b) Trả lại và yêu cầu cơ quan gửi báo cáo điều chỉnh, bổ sung đối với những báo cáo không bảo đảm tính đầy đủ, chính xác.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo định kỳ:

Báo cáo được gửi tới cơ quan, đơn vị nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

a) Thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo có địa chỉ tại ***<https://baocao.bvhttdl.gov.vn>***;

b) Trường hợp Hệ thống thông tin báo cáo có sự cố kỹ thuật dẫn tới không thể triển khai gửi, nhận báo cáo trong thời hạn quy định, việc gửi, nhận báo cáo được thực hiện bằng hình thức văn bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và địa phương hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

5. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ:

a) Báo cáo tháng: Trước ngày 20 của tháng báo cáo;

b) Báo cáo quý: Trước ngày 20 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo;

c) Báo cáo 6 tháng: Trước ngày 20 tháng 6 của năm báo cáo;

d) Báo cáo năm: Trước ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo, trừ trường hợp Báo cáo kết quả thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, thời hạn gửi báo cáo trước ngày 30 tháng 11 của năm báo cáo;

e) Báo cáo định kỳ khác: Thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

6. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

Thời gian chốt số liệu báo cáo thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

7. Tần suất thực hiện báo cáo định kỳ:

a) Báo cáo tháng: 01 lần/01 tháng (các tháng: 1, 2, 4, 5, 7, 8, 10 và 11);

b) Báo cáo quý: 01 lần/01 quý (báo cáo quý I thay cho báo cáo tháng 3; báo cáo quý III thay cho báo cáo tháng 9);

c) Báo cáo 6 tháng: 01 lần/năm (báo cáo 6 tháng thay cho báo cáo tháng 6 và báo cáo quý II);

d) Báo cáo năm: 01 lần/năm (báo cáo năm thay cho báo cáo tháng 12 và báo cáo quý IV).

8. Mẫu đề cương, biểu mẫu số liệu báo cáo định kỳ:

Mẫu đề cương báo cáo và biểu mẫu số liệu (nếu có) quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, KHAI THÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Điều 8. Hệ thống thông tin báo cáo

1. Hệ thống thông tin báo cáo có địa chỉ truy cập trên mạng Internet là: <https://baocao.bvhttdl.gov.vn>.

2. Hệ thống thông tin báo cáo đáp ứng yêu cầu về chức năng, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

Điều 9. Vai trò Hệ thống thông tin báo cáo

1. Là đầu mối tích hợp, quản lý báo cáo của các cơ quan, đơn vị, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Quản lý báo cáo của các cơ quan, tổ chức gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Tài khoản quản trị, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Mỗi cơ quan, tổ chức sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo được cấp 01 tài khoản quản trị riêng để truy cập, sử dụng, phù hợp với vai trò của cơ quan, tổ chức trong việc sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo.

2. Văn phòng Bộ có trách nhiệm tiếp nhận tài khoản được cấp dùng để mở kỳ báo cáo; tiếp nhận, tổng hợp số liệu báo cáo của các cơ quan, đơn vị thuộc

Bộ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan.

3. Trung tâm Chuyển đổi số Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm

a) Tiếp nhận 01 tài khoản quản trị Hệ thống thông tin báo cáo dùng để thực hiện cấp mới, thu hồi, phân quyền, thiết lập lại mật khẩu tài khoản cho người dùng tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

b) Tổ chức kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu báo cáo, dữ liệu danh mục dùng chung của Phần mềm với các hệ thống thông tin khác và thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật khác để duy trì hoạt động của Hệ thống thông tin báo cáo;

c) Kịp thời xử lý khi phát hiện hoặc được các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thông báo về việc Hệ thống thông tin báo cáo có sai sót, sự cố kỹ thuật;

Trường hợp không thể kịp thời khắc phục được các sự cố kỹ thuật, Trung tâm Chuyển đổi số Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo trên Hệ thống thông tin báo cáo hoặc bằng văn bản về việc tạm ngưng một phần hoặc toàn bộ việc triển khai báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo;

d) Nghiên cứu, đề xuất phương án nâng cấp để kịp thời đáp ứng nhu cầu mở rộng, phát triển và sự hoạt động ổn định của Hệ thống thông tin báo cáo; xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án kỹ thuật để bảo đảm an ninh, an toàn thông tin cho Hệ thống thông tin báo cáo.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các cơ quan, tổ chức có liên quan được cấp 3 loại tài khoản người dùng, gồm:

a) Loại tài khoản dành cho Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, tổ chức, dùng để phê duyệt các biểu báo cáo cho các Phòng chuyên môn thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức;

b) Loại tài khoản dành cho Lãnh đạo cấp phòng thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức dùng để kiểm tra các biểu báo cáo do cấp dưới (chuyên viên) tổng hợp thực hiện trước khi trình Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, tổ chức phê duyệt trên Hệ thống thông tin báo cáo;

c) Loại tài khoản dành cho chuyên viên tổng hợp, cập nhật số liệu báo cáo.

Điều 11. Nguyên tắc áp dụng Hệ thống thông tin báo cáo

1. Thực hiện kết nối, cập nhật thường xuyên dữ liệu, tích hợp các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ qua Trục liên thông văn bản quốc gia; thực hiện ký số và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin dữ liệu báo cáo.

2. Việc áp dụng Hệ thống thông tin báo cáo phải tuân theo quy định của pháp luật về báo cáo, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và phù hợp với chế độ báo cáo quy định tại Thông tư này.

3. Các biểu mẫu báo cáo được áp dụng trên Hệ thống là các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thiết lập, thống nhất quản lý và triển khai thực hiện.

4. Trong mỗi kỳ báo cáo, số liệu báo cáo phải được cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác vào Hệ thống thông tin báo cáo theo đúng thời điểm chốt số liệu, đúng thời hạn gửi báo cáo và các quy định khác theo chế độ báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Số liệu báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo khi được phê duyệt và gửi đi bởi tài khoản của Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, tổ chức là báo cáo chính thức, thay cho báo cáo bằng văn bản của cơ quan, đơn vị, tổ chức.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2025.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 14/2022/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện chế độ báo cáo; tiếp nhận báo cáo và tổng hợp báo cáo do các cơ quan, tổ chức gửi đến hoặc trả lại cơ quan, tổ chức gửi báo cáo để hoàn thiện, bổ sung theo yêu cầu.

2. Văn phòng Bộ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, tổ chức kiểm tra việc thực hiện Thông tư này;

b) Công bố danh mục báo cáo định kỳ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành hoặc tham mưu ban hành theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP;

c) Quản lý, lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Trung tâm Chuyên đổi số Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

a) Xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác Hệ thống thông tin báo cáo bảo đảm kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ;

b) Thực hiện các biện pháp giám sát, biện pháp đảm bảo an toàn thông tin.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức triển khai, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Thông tư này.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. *2/2*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ VHTTDL;
- Sở VHTTDL, Sở VHNT, Sở DL;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng TTĐT Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, VPB, NVN (300).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Hùng
Nguyễn Văn Hùng

Phụ lục I
DANH MỤC ĐỀ CƯƠNG, BIỂU MẪU SỐ LIỆU BÁO CÁO CÔNG TÁC THÁNG, QUÝ, 6 THÁNG, NĂM VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG LIỀN KÈ, QUÝ LIỀN KÈ, 6 THÁNG CUỐI NĂM,
NĂM LIỀN KÈ

*(Kèm theo Thông tư số 13 /2025/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 9 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

Stt	Tên Báo cáo	Đề cương báo cáo	Biểu mẫu số liệu	Thời hạn gửi báo cáo	Cơ quan thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo
Đề cương báo cáo số 01	Báo cáo công tác tháng/quý, nhiệm vụ trọng tâm tháng liền kề/quý liền kề	x	x	Trước ngày 20 của tháng và ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao/Sở Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Văn phòng Bộ và các cơ quan ¹)
Đề cương báo cáo số 02	Báo cáo công tác tháng/quý, nhiệm vụ trọng tâm tháng liền kề/quý liền kề	x	x	Trước ngày 20 của tháng và ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo	Các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Văn phòng Bộ)
Đề cương báo cáo số 03	Báo cáo công tác 6 tháng đầu năm/năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm/năm liền kề	x	x	Trước ngày 20/6 và ngày 15/12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao/Sở Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Văn phòng Bộ và các cơ quan ¹)
Đề cương báo cáo số 04	Báo cáo công tác 6 tháng đầu năm/năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm/năm liền kề	x	x	Trước ngày 20/6 và ngày 15/12	Các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ;	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Văn phòng Bộ)

¹ Các Cục: Di sản văn hóa; Nghệ thuật biểu diễn; Điện ảnh; Bản quyền tác giả; Văn hóa cơ sở; Gia đình và Thư viện; Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm; Thể dục thể thao Việt Nam; Du lịch Quốc gia Việt Nam; Văn hóa các dân tộc Việt Nam; Báo chí; Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử; Xuất bản, in và Phát hành; Thông tin cơ sở và Thông tin đối ngoại.
Các Vụ: Pháp chế; Khoa học công nghệ, Đào tạo và Môi trường.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 01

*(Áp dụng đối với các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/
Sở Văn hóa và Thể thao/Sở Du lịch các tỉnh/thành phố)*

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...
SỞ VH TTDL/VHTT/DL.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:... /BC-SVHTTDL/VHTT/DL

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO
Công tác tháng/quý.../...²

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM
THÁNG.../QUÝ...³**

1. Công tác tham mưu xây dựng và ban hành văn bản

Kết quả tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành các văn bản về văn hóa, thể thao và du lịch.

2. Về văn hóa, gia đình

- Về di sản văn hóa:
- Về văn hóa cơ sở, gia đình và thư viện:
- Về văn hóa các dân tộc Việt Nam:
- Về nghệ thuật biểu diễn và văn học
- Về điện ảnh:
- Về mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm:
- Về quyền tác giả, quyền liên quan và công nghiệp văn hóa:

3. Về thể dục, thể thao

- Về thể dục thể thao cho mọi người:
- Về thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp:

** Ghi chú: Riêng đối với báo cáo tháng 4 hằng năm thì bổ sung số liệu: Tổng số xã (phường, đặc khu), tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân; Tổng số người tham gia Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân.*

4. Về du lịch

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu về khách (khách quốc tế và khách nội địa) và tổng thu từ khách du lịch:
- Quản lý hoạt động lữ hành và hướng dẫn viên:

² Căn cứ chức năng nhiệm vụ của cơ quan/đơn vị để ghi tên báo cáo thuộc lĩnh vực nào: Ví dụ: công tác văn hóa, thể thao và du lịch; công tác du lịch...

³ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm phải kèm số liệu cụ thể, có so sánh, đánh giá với số liệu, kết quả so với tháng trước.

- Quản lý cơ sở lưu trú du lịch:
- Hoạt động quảng bá, xúc tiến, thông tin du lịch:
- Chuyển đổi số về du lịch:
- Đầu tư phát triển du lịch:
- Nhân lực du lịch:
- Đào tạo, bồi dưỡng:

5. Về báo chí và truyền thông

- Về báo chí:
- Về phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử:
- Về thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại:

6. Về xuất bản, in và phát hành

7. Các hoạt động nghiệp vụ tổng hợp

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG LIÊN KÈ/QUÝ LIÊN KÈ

1. Nhiệm vụ chung

2. Về văn hóa, gia đình

3. Về thể dục, thể thao

4. Về du lịch

5. Về báo chí và truyền thông

6. Về xuất bản, in và phát hành

7. Các hoạt động nghiệp vụ tổng hợp

III . ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Văn phòng Bộ;
- Các Cục, Vụ thuộc Bộ;
- Lưu: VT...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 02*(Áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)***BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC BỘ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.... /BC-.....

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO
Công tác⁴ tháng.../quý....

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG.../QUÝ...⁵**1. Công tác tham mưu xây dựng và hoàn thiện thể chế**

Kết quả xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các đề án, chương trình, kế hoạch... trong lĩnh vực được giao theo dõi, quản lý.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ**II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG LIÊN KÈ/QUÝ LIÊN KÈ****III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ****Nơi nhận:**

- Như trên;
-
- Văn phòng Bộ;
- Lưu: VT.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ*(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)*

⁴ Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan/đơn vị để ghi tên báo cáo thuộc lĩnh vực nào: Ví dụ: công tác di sản văn hóa; công tác du lịch...

⁵ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm phải kèm số liệu cụ thể, có so sánh, đánh giá với số liệu, kết quả so với tháng trước.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 03

*(Áp dụng đối với các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/
Sở Văn hóa và Thể thao/Sở Du lịch các tỉnh/thành phố)*

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...
SỞ VH TTDL/VHTT/DL.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /BC-SVHTTDL/VHTT/DL

... .., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO

Công tác 6 tháng đầu năm.../năm...⁶

Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm.../năm liền kề

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG ĐẦU NĂM.../NĂM...

1. Công tác tham mưu xây dựng và hoàn thiện thể chế

Kết quả tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành các văn bản về văn hóa, thể thao và du lịch.

2. Về văn hóa, gia đình

- Về di sản văn hóa:
- Về văn hóa cơ sở, gia đình và thư viện:
- Về văn hóa các dân tộc Việt Nam:
- Về nghệ thuật biểu diễn và văn học
- Về điện ảnh:
- Về mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm:
- Về quyền tác giả, quyền liên quan và công nghiệp văn hóa:

3. Về thể dục, thể thao

- Về thể dục thể thao cho mọi người:
- Về thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp:
- Về phát triển cơ sở vật chất:
- Về xã hội hóa, phát triển kinh tế thể thao:
- Về hợp tác quốc tế:
- Về đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện nguồn nhân lực:

4. Về du lịch

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu về khách (khách quốc tế và khách nội địa) và tổng thu từ khách du lịch:

⁶ Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan/đơn vị để ghi tên báo cáo thuộc lĩnh vực nào: Ví dụ: công tác văn hóa và thể thao; công tác du lịch...

- Quản lý hoạt động lễ hành và hướng dẫn viên:
- Quản lý cơ sở lưu trú du lịch:
- Hoạt động quảng bá, xúc tiến, thông tin du lịch:
- Chuyển đổi số về du lịch:
- Hoạt động liên kết, hợp tác phát triển du lịch:
- Phát triển sản phẩm du lịch:
- Đầu tư phát triển du lịch:
- Nhân lực du lịch:
- Đào tạo, bồi dưỡng:
- Khu điểm du lịch:

5. Về báo chí và truyền thông

- Về báo chí:
- Về phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử:
- Về thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại:

6. Về xuất bản, in và phát hành

7. Các hoạt động nghiệp vụ tổng hợp

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện so với kế hoạch

2. Khó khăn, tồn tại, nguyên nhân và giải pháp

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM.../NĂM LIỀN KẾ

1. Phương hướng

2. Nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Về văn hóa, gia đình

2.2. Về thể dục, thể thao

2.3. Về du lịch

2.4. Về báo chí và truyền thông

2.5. Về xuất bản, in và phát hành

2.6. Các hoạt động nghiệp vụ tổng hợp

IV. ĐỀ XUẤT, KẾN NGHỊ

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Văn phòng Bộ;
- Các Cục, Vụ thuộc Bộ;
- Lưu: VT.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 04*(Áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)***BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC BỘ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.... /BC-.....

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO**Công tác⁷ 6 tháng đầu năm.../năm...**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**1. Công tác tham mưu xây dựng và hoàn thiện thể chế**

Kết quả xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các đề án, chương trình, kế hoạch... trong lĩnh vực được giao theo dõi, quản lý.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ**II. ĐÁNH GIÁ CHUNG****1. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện so với kế hoạch****2. Khó khăn, tồn tại, nguyên nhân và giải pháp****III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM.../NĂM LIÊN KẾ****1. Phương hướng****2. Nhiệm vụ trọng tâm****IV. ĐỀ XUẤT, KẾN NGHỊ****Nơi nhận:**

- Như trên;
-
- Văn phòng Bộ;
- Lưu: VT.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ*(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)*

⁷ Căn cứ chức năng nhiệm vụ của cơ quan/đơn vị để ghi tên báo cáo thuộc lĩnh vực nào: Ví dụ: công tác di sản văn hóa; công tác du lịch...

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 001-DSVH
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ DI SẢN VĂN HÓA
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 03)

TT	Nội dung	6 tháng/năm...
I.	DI TÍCH	
1.	Tổng số Di tích xếp hạng cấp tỉnh:	
	Di tích lịch sử:	
	Di tích kiến trúc nghệ thuật:	
	Di tích khảo cổ:	
	Danh lam thắng cảnh:	
	<i>Số Di tích cấp tỉnh được xếp hạng trong năm:</i>	
2.	Tổng số Di tích xếp hạng quốc gia:	
	Di tích lịch sử:	
	Di tích kiến trúc nghệ thuật:	
	Di tích khảo cổ:	
	Danh lam thắng cảnh:	
	<i>Số Di tích quốc gia được xếp hạng trong năm:</i>	
3.	Tổng số Di tích quốc gia đặc biệt được xếp hạng:	
	<i>Số Di tích quốc gia đặc biệt được xếp hạng trong năm:</i>	
4.	Tổng số Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới:	
5.	Tổng số khách tham quan di tích:	
6.	Tổng số nguồn thu từ phí tham quan di tích:	
7.	Tổng kinh phí xã hội hóa đầu tư cho tu bổ di tích:	
II.	BẢO VẬT QUỐC GIA	
	Tổng số Bảo vật quốc gia:	
	<i>Số bảo vật quốc gia được công nhận trong năm:</i>	
III.	BẢO TÀNG	
1.	Tổng số bảo tàng:	
	<i>Bảo tàng công lập thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức chính trị, tổ chức ở Trung ương</i>	

TT	Nội dung	6 tháng/năm...
	<i>Bảo tàng công lập và ngoài công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</i>	
2.	Tổng số hiện vật có trong từng bảo tàng:	
	<i>Số hiện vật bảo tàng mới được sưu tầm trong năm (của từng bảo tàng):</i>	
3.	Tổng số sưu tập hiện vật trong từng bảo tàng	
	<i>Số sưu tập hiện vật được hình thành trong năm của từng bảo tàng:</i>	
4.	Tổng số khách tham quan trong năm của từng bảo tàng:	
5.	Tổng thu từ phí tham quan trong năm của từng bảo tàng (nếu có):	
6.	Tổng số trưng bày chuyên đề của từng bảo tàng:	
IV	DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ	
1.	Tổng số di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia:	
	<i>Số di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia trong năm:</i>	
2.	Tổng số di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp:	
3.	Tổng số Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể:	
	Nghệ nhân nhân dân:	
	Nghệ nhân ưu tú:	
	<i>Số Nghệ nhân nhân dân đã mất:</i>	
	<i>Số Nghệ nhân ưu tú đã mất:</i>	
V.	DI SẢN TƯ LIỆU	
1.	Tổng số di sản tư liệu được đưa vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu:	
	<i>Số di sản tư liệu được đưa vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu trong năm:</i>	
2.	Tổng số Di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương:	

3.	Tổng số Di sản tư liệu thế giới:	
----	----------------------------------	--

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 001-DSVH
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ DI SẢN VĂN HÓA
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 04)

TT	Nội dung	6 tháng/năm...
1.	Tổng số bảo tàng	
	<i>Bảo tàng công lập thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, ngành, tổ chức ở Trung ương</i>	
	<i>Bảo tàng công lập và ngoài công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</i>	
2.	Tổng số hiện vật có trong các bảo tàng	
3.	Tổng số di tích được xếp hạng quốc gia trong năm	
	- Di tích lịch sử	
	- Di tích kiến trúc nghệ thuật	
	- Di tích khảo cổ	
	- Di tích danh lam thắng cảnh	
4.	Tổng số di tích được xếp hạng quốc gia	
	- Di tích lịch sử	
	- Di tích kiến trúc nghệ thuật	
	- Di tích khảo cổ	
	- Di tích danh lam thắng cảnh	
5.	Tổng số di tích quốc gia đặc biệt được xếp hạng trong năm	
6.	Tổng số di tích quốc gia đặc biệt được xếp hạng	
7.	Tổng số bảo vật quốc gia được công nhận trong năm	
8.	Tổng số bảo vật quốc gia	
9.	Tổng số di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia trong năm	
10.	Tổng số di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia	
11.	Tổng số di sản tư liệu được đưa vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu trong năm	

TT	Nội dung	6 tháng/năm...
12.	Tổng số di sản tư liệu được đưa vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu	
13.	Tổng số di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được UNESCO ghi danh trong năm	
	- Di sản văn hóa và thiên nhiên	
	- Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp	
	- Di sản tư liệu thế giới và Di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương	
14.	Tổng số di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được UNESCO ghi danh	
	- Di sản văn hóa và thiên nhiên	
	- Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp	
	- Di sản tư liệu thế giới và Di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương	
15.	Tổng số Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể:	
	Nghệ nhân nhân dân:	
	Nghệ nhân ưu tú:	
	<i>Số Nghệ nhân nhân dân đã mất:</i>	
	<i>Số Nghệ nhân ưu tú đã mất:</i>	

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 002-VHCSGĐTV
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ VĂN HÓA CƠ SỞ, GIA ĐÌNH VÀ THƯ VIỆN
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 03, 04)

I. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA CƠ SỞ

Stt	Nội dung	Năm...
1.	Hệ thống thiết chế văn hoá cơ sở:	
	- Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh (<i>Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật; Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh; Trung tâm Văn hóa - Thông tin; Trung tâm Thông tin - Triển lãm; Tên gọi khác</i>)	
	- Số Nhà Văn hoá cấp xã và tương đương:	
	- Số Nhà Văn hoá cấp làng (thôn, ấp, bản...) và tương đương:	
2.	Hoạt động văn hoá, văn nghệ quần chúng:	
	- Tổng số đội Văn nghệ quần chúng cấp tỉnh:	
	- Tổng số đội Văn nghệ quần chúng cấp xã:	
	- Số cuộc liên hoan Văn nghệ quần chúng đã tổ chức	
	+ Cấp tỉnh:	
	+ Cấp xã:	
	- Tổng số lượt người xem văn nghệ quần chúng	
	+ Cấp tỉnh:	
	+ Cấp xã:	
3.	Hoạt động tuyên truyền lưu động:	
	- Số đội Tuyên truyền lưu động cấp tỉnh:	
	- Số đội Tuyên truyền lưu động cấp xã:	
	- Tổng số buổi hoạt động thông tin lưu động:	
	+ Cấp tỉnh:	
	+ Cấp xã:	
	- Tổng số lượt người xem thông tin lưu động:	
	+ Cấp tỉnh:	
	+ Cấp xã:	
4.	Số làng (bản, buôn, ấp...) văn hoá/Tổng số làng (bản, buôn, ấp...) cả nước:	
5.	Số gia đình văn hoá/Tổng số gia đình cả nước:	
6.	Hoạt động Karaoke	
	- Tổng số cơ sở kinh doanh hiện có:	
	- Tổng số giấy phép cấp mới trong năm:	

	- Tổng số trường hợp bị xử phạt hành chính:	
	- Tổng số giấy phép bị thu hồi:	
7.	Hoạt động vũ trường	
	- Tổng số cơ sở kinh doanh hiện có:	
	- Tổng số giấy phép cấp mới trong năm:	
	- Tổng số trường hợp bị xử phạt hành chính:	
	- Tổng số giấy phép bị thu hồi:	

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG LĨNH VỰC THƯ VIỆN

Stt	Tên chỉ tiêu/báo cáo		Năm ...	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
1.	Số lượng thư viện	a) Tổng số thư viện công cộng hiện có		
		b) Số thư viện công cộng thành lập trong năm		
		c) Số thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng		
		d) Số thư viện cộng đồng		
		đ) Số phòng đọc cơ sở và không gian đọc		
2.	Nhân lực thư viện	a) Số lượng người làm công tác thư viện hiện có		
		b) Số lượt người được đào tạo, tập huấn trong năm		
3.	Ứng dụng công nghệ thông tin	a) Số lượng máy tính hiện có		
		b) Số lượng thư viện đã ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thư viện		
		c) Số lượng thư viện đã có sử dụng phần mềm quản lý thư viện		
		d) Số lượng thư viện đã có trang web		
		đ) Số lượng thư viện đã xây dựng thư viện điện tử		
4.	Nguồn tài nguyên thông tin	a) Tổng số bản sách hiện có trong thư viện		
		b) Tổng số tên báo, tạp chí		
		c) Tổng số tên tài liệu điện tử		
5.	Công tác phục vụ bạn đọc	a) Tổng số thẻ thư viện hiện có		
		b) Tổng lượt bạn đọc được thư viện phục vụ		
		c) Tổng lượt tài nguyên thông tin được thư viện phục vụ		

III. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC GIA ĐÌNH

TT	Nội dung	ĐVT	Năm
I	GIA ĐÌNH		
1	Tổng số hộ gia đình	Hộ	
1.1	Số hộ gia đình chỉ có cha hoặc mẹ sống chung với con	Hộ	
1.2	Số hộ gia đình 1 thế hệ (vợ, chồng)	Hộ	
1.3	Số hộ gia đình 2 thế hệ	Hộ	
1.4	Số hộ gia đình 3 thế hệ trở lên	Hộ	
1.5	Số hộ gia đình khác	Hộ	
II	BẠO LỰC GIA ĐÌNH		
1	Tổng số hộ gia đình có hành vi bạo lực gia đình	Hộ	
2	Tổng số vụ bạo lực gia đình	Vụ	
3	Người có hành vi bạo lực gia đình và biện pháp ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình		
3.1	<i>Giới tính</i>		
3.1.1	Nam	Người	
3.1.2	Nữ	Người	
3.2.	<i>Độ tuổi</i>		
3.2.1	Dưới 16 tuổi	Người	
3.2.2	Từ đủ 60 tuổi trở lên	Người	
3.3	<i>Biện pháp ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình</i>		
3.3.1	Buộc chấm dứt hành vi bạo lực gia đình	Người	
3.3.2	Yêu cầu đến trụ sở Công an xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình	Người	
3.3.3	Cấm tiếp xúc	Người	
3.3.4	Giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình	Người	
3.3.5	Góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư	Người	
3.3.6	Thực hiện công việc phục vụ cộng đồng	Người	
3.3.7	Xử phạt vi phạm hành chính	Người	
3.3.8	Xử lý hình sự (phạt tù)	Người	
4	Người bị bạo lực gia đình và biện pháp bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình		
4.1	<i>Giới tính</i>		
4.1.1	Nam	Người	
4.1.2	Nữ	Người	
4.2	<i>Độ tuổi</i>		

TT	Nội dung	ĐVT	Năm
4.2.1	Dưới 16 tuổi	Người	
4.2.2	Từ đủ 60 tuổi trở lên	Người	
4.3	<i>Biện pháp bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình</i>		
4.3.1	Bố trí nơi tạm lánh và hỗ trợ nhu cầu thiết yếu	Người	
4.3.2	Chăm sóc, điều trị người bị bạo lực gia đình	Người	
4.3.3	Trợ giúp pháp lý và tư vấn tâm lý, kỹ năng để ứng phó với bạo lực gia đình	Người	
III	MÔ HÌNH PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH		
1	Mô hình phòng, chống bạo lực gia đình/xã, phường ⁸	Mô hình	
2	Hoạt động của Mô hình		
2.1	Số Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững	CLB	
2.2	Số Nhóm phòng, chống bạo lực gia đình	Nhóm	
2.3	Số Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng	Địa chỉ	
2.4	Số Đường dây nóng	Số lượng	

⁸ Mỗi xã/phường có 01 mô hình

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 003-VHDTVN
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 03, 04)

STT	Tên chỉ tiêu/báo cáo	6 tháng/năm
1.	Số chương trình khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số có dân số ít người được triển khai	
2.	Số lễ hội truyền thống tiêu biểu các dân tộc thiểu số được bảo tồn, phát huy, khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch được thực hiện	
3.	Số hoạt động nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một được hỗ trợ	
4.	Số mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số được xây dựng	
5.	Số bộ ấn phẩm về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số được xây dựng để cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số	
6.	Số làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số được hỗ trợ đầu tư	
7.	Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số có dân số ít người	
8.	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	
9.	Bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống tiêu biểu các dân tộc thiểu số	
10.	Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số	
11.	Xây dựng Mô hình bảo tồn văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số	
12.	Xây dựng Câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư	
13.	Nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một	
14.	Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	

STT	Tên chỉ tiêu/báo cáo	6 tháng/năm
15.	Lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và Lớp truyền dạy, bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể	
16.	Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 004-NTBD
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 03, 04)

STT	Tên chỉ tiêu/báo cáo	6 tháng/năm...
1.	Số lượng các đơn vị nghệ thuật tại địa phương	
1.1.	Các đơn vị nghệ thuật công lập (bao gồm cả Trung tâm văn hóa sau khi sáp nhập)	
1.2.	Các đơn vị nghệ thuật ngoài công lập	
1.3.	Tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo quy định của pháp luật	
2.	Về công tác chấp hành các quy định pháp luật lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn	
2.1.	Số lượng các chương trình biểu diễn nghệ thuật được chấp thuận trên địa bàn tỉnh/thành	
2.2.	Số lượng cuộc thi, liên hoan nghệ thuật được chấp thuận trên địa bàn tỉnh/thành	
2.3.	Số lượng cuộc thi người đẹp người mẫu được chấp thuận trên địa bàn tỉnh/thành (nêu rõ Vòng Chung kết/Bán kết/Vòng loại...)	
2.4.	Số lượng chương trình biểu diễn nghệ thuật tiếp nhận từ các đơn vị nghệ thuật, các tổ chức, cá nhân thông báo tổ chức	
2.5.	Số lượng cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn tiếp nhận từ các đơn vị nghệ thuật, các tổ chức, cá nhân thông báo tổ chức	
2.6.	Số lượng lưu chiếu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại tiếp nhận từ các đơn vị nghệ thuật, các tổ chức, cá nhân	
2.7.	Số lượng các chương trình biểu diễn nghệ thuật bị yêu cầu dừng hoạt động trên địa bàn tỉnh/thành	
2.8.	Số lượng các cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn bị yêu cầu thu hồi danh hiệu, giải thưởng và hủy kết quả	
2.9.	Số lượng các cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn bị yêu cầu hủy kết quả	

STT	Tên chỉ tiêu/báo cáo	6 tháng/năm...
3.	Số lượng các chương trình biểu diễn nghệ thuật <i>(áp dụng đối với các đơn vị nghệ thuật công lập)</i>	
	- Số vở diễn sân khấu; chương trình ca múa nhạc; tiết mục nghệ thuật mới dàn dựng	
	- Số vở diễn sân khấu; chương trình ca múa nhạc; tiết mục nghệ thuật sửa chữa và nâng cao	
4.	Về Danh hiệu, giải thưởng trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn <i>(thông qua xét danh hiệu nghệ sĩ; thông qua các cuộc thi, liên hoan nghệ thuật...)</i>	
	- Số lượng Huy chương vàng, Huy chương bạc, Giải nhất/nhì/ba	
	- Số lượng nghệ sỹ được Nhà nước phong tặng danh hiệu (Nghệ sỹ Ưu tú, Nghệ sỹ Nhân dân, Giải thưởng Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật...)	
5.	Tổng số buổi biểu diễn trong năm	
	Tổ chức thực hiện của các đơn vị nghệ thuật công lập	
	Tổ chức thực hiện của các tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo quy định của pháp luật	
6.	Ước số lượng người xem biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (người/năm)	
7.	Kinh phí hàng năm cấp thường xuyên và không thường xuyên <i>(đối với các đơn vị nghệ thuật công lập)</i>	
8.	Doanh thu <i>(đối với các đơn vị nghệ thuật công lập)</i>	

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 005-ĐA
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ ĐIỆN ẢNH
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 03, 04)

STT	Nội dung	Năm...
1.	Tổng số cơ sở điện ảnh sản xuất phim	
	- Tổng số cơ sở điện ảnh sản xuất phim do nhà nước quản lý vận hành	
	- Tổng số cơ sở điện ảnh sản xuất phim do nhà nước nắm giữ cổ phần	
	- Tổng số cơ sở điện ảnh sản xuất phim tư nhân	
2.	Tổng số Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam	
3.	Tổng số phim Việt Nam được sản xuất từ nguồn ngân sách Nhà nước	
	- Phim truyện điện ảnh	
	- Phim tài liệu	
	- Phim khoa học	
	- Phim hoạt hình	
	- Phim kết hợp nhiều loại hình	
4.	Tổng số phim Việt Nam được cấp Giấy phép phân loại phim	
	- Phim truyện điện ảnh	
	- Phim tài liệu	
	- Phim khoa học	
	- Phim hoạt hình	
	- Phim kết hợp nhiều loại hình	
5.	Tổng số phim nhập khẩu được cấp Giấy phép phân loại phim	
	- Phim truyện điện ảnh	

STT	Nội dung	Năm...
	- Phim tài liệu	
	- Phim khoa học	
	- Phim hoạt hình	
	- Phim kết hợp nhiều loại hình	
6.	Phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị ở vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn	
	- Tổng số ngân sách nhà nước được cấp	
	- Tổng số đội/tổ chiếu phim lưu động	
	- Tổng số biên chế đội chiếu phim lưu động	
	- Tổng số lượng máy chiếu phim kỹ thuật số HD	
	- Tổng số lượng máy chiếu phim video	
	- Tổng số lượng ô tô chiếu phim lưu động	
	- Tổng số buổi chiếu phim	
	- Tổng số lượt người xem	
7.	Tổng số rạp chiếu phim	
	- Tổng số rạp, cụm rạp Nhà nước	
	+ Tổng số phòng chiếu	
	+ Tổng số ghế	
	- Tổng số rạp, cụm rạp tư nhân	
	+ Tổng số phòng chiếu	
	+ Tổng số ghế	
8.	Ước tính doanh thu phổ biến phim tại rạp chiếu phim (tỷ đồng)	
9.	Tổng số kinh phí nhà nước cấp cho sản xuất phim và phổ biến phim	

STT	Nội dung	Năm...
	- Tổng số kinh phí nhà nước cấp cho sản xuất phim	
	- Tổng số kinh phí nhà nước cấp cho phổ biến phim	

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 006-MTNATL
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 03, 04)

STT	Tên chỉ tiêu/báo cáo	6 tháng/năm ...
1.	Số lượng xin cấp phép triển lãm	
	- Cuộc thi, triển lãm mỹ thuật	
	+ Trong nước	
	+ Ra nước ngoài	
	- Cuộc thi, liên hoan, triển lãm nhiếp ảnh	
	+ Trong nước	
	+ Ra nước ngoài	
	- Các triển lãm không vì mục đích thương mại	
	+ Trong nước	
	+ Ra nước ngoài	
	- Số lượng giấy phép/văn bản phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh xuất, nhập khẩu	
2.	Số lượng họa sĩ, nhà điêu khắc, nghệ sĩ nhiếp ảnh	
	- Mỹ thuật	
	+ Họa sĩ Hội Mỹ thuật Trung ương	
	+ Họa sĩ Hội Mỹ thuật địa phương	
	+ Nhà điêu khắc Hội Mỹ thuật Trung ương	
	+ Nhà điêu khắc Hội Mỹ thuật địa phương	
	- Nhiếp ảnh	
	+ Hội viên Hội Nhiếp ảnh Trung ương	
	+ Hội viên Hội Nhiếp ảnh địa phương	
3.	Số lượng công trình tượng đài, tranh hoành tráng hiện có; trại sáng tác mỹ thuật, nhiếp ảnh được tổ chức trong năm	
	- Tượng đài	
	- Tranh hoành tráng	
	- Trại sáng tác mỹ thuật	
	- Trại sáng tác nhiếp ảnh	
4.	Số lượng nhà triển lãm	
5.	Số cuộc thanh tra hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 007-BQTG
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ BẢN QUYỀN TÁC GIẢ
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 04)

STT	Tên chỉ tiêu/báo cáo	6 tháng/năm...
1.	Tổng số giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan đã cấp trong năm, trong đó:	
	- Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả:	
	- Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan:	

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 008-TDTTVN
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ THỂ DỤC, THỂ THAO VIỆT NAM
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 03, 04)

STT	Tên chỉ tiêu/báo cáo	6 tháng/năm...
1.	Tỷ lệ người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên	
2.	Tỷ lệ gia đình luyện tập thể dục thể thao	
3.	Số vận động viên được tập trung đào tạo:	
	- Vận động viên đội tuyển trẻ quốc gia	
	- Vận động viên đội tuyển quốc gia	
4.	Tổng số huy chương đạt được tại các giải thể thao quốc tế	
	- Huy chương vàng	
	- Huy chương bạc	
	- Huy chương đồng	

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 009-DLVN
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ DU LỊCH VIỆT NAM
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 03, 04)

STT	Tên chỉ tiêu/báo cáo	6 tháng/năm...
1.	Tổng số doanh nghiệp lữ hành quốc tế	
	- Doanh nghiệp nhà nước	
	- Công ty cổ phần	
	- Công ty liên doanh	
	- Công ty trách nhiệm hữu hạn	
	- Tự nhân	
2.	Tổng số doanh nghiệp lữ hành nội địa	
3.	Tổng số các cơ sở lưu trú du lịch/số buồng	
	- Hạng 5 sao	
	- Hạng 4 sao	
	- Hạng 3 sao	
	- Hạng 2 sao	
	- Hạng 1 sao	
	- Cơ sở lưu trú du lịch không xếp hạng	
4.	Số khu du lịch quốc gia được công nhận	
5.	Số điểm du lịch được công nhận	
6.	Tổng số hướng dẫn viên	
	- Số hướng dẫn viên được cấp thẻ	
	+ Quốc tế	
	+ Nội địa	
	+ Tại điểm	
	+ Tiếng Anh	
	+ Tiếng Trung Quốc	
	+ Tiếng Pháp	
	+ Tiếng Nhật Bản	
	+ Tiếng Đức	

STT	Tên chỉ tiêu/báo cáo	6 tháng/năm...
	+ Tiếng Nga	
	+ Tiếng khác	
7.	Số lượng khách du lịch quốc tế đến địa phương (<i>lượt</i>)	
8.	Số lượng khách du lịch nội địa đến địa phương (<i>Triệu lượt</i>)	
9.	Tổng thu từ khách du lịch (<i>Tỷ đồng</i>)	

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 0010-BC
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ BÁO CHÍ
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 03)

STT	TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ	CHỨC DANH	ĐỊA CHỈ VPĐD/PVTT	ĐIỆN THOẠI	EMAIL	GHI CHÚ
A	VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN					
	Tên cơ quan báo chí...					
1.	Ông Nguyễn Văn A					
2.	Ông Nguyễn Văn B					
3.						
4.						
B	PHÒNG VĂN THƯỜNG TRÚ					
	Tên cơ quan báo chí...					
1.	Ông Nguyễn Văn A					
2.	Ông Nguyễn Văn B					
3.						

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 0011-PTTHTTĐT
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ PHÁT THANH,
TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 03, 04)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm...
1.	Số lượng đài phát thanh, đài truyền hình, tổ chức hoạt động truyền hình	Đài	
2.	Số kênh phát thanh được cấp phép hoạt động	Kênh	
3.	Số kênh truyền hình được cấp phép hoạt động	Kênh	
4.	Thuê bao dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Triệu thuê bao	
5.	Doanh thu dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Tỷ đồng	
6.	Số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Doanh nghiệp	
7.	Số lao động của các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Người	
8.	Số lượng Mạng xã hội Việt Nam được cấp phép	Giấy phép	
9.	Số lượng trang TTĐT tổng hợp được cấp phép thiết lập	Giấy phép	
10.	Số lượng doanh nghiệp được cấp giấy phép G1	Doanh nghiệp	
11.	Số lượng trò chơi điện tử được cấp quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng	Quyết định	
12.	Số lượng doanh nghiệp nước ngoài thông báo thông tin dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới	Doanh nghiệp	
13.	Số lượng tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam Thông báo thông tin liên hệ với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục PTTH&TTĐT)	Doanh nghiệp	

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 0012-TTCS, TTĐN
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ THÔNG TIN CƠ SỞ VÀ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 03, 04)

TT	Tên chỉ tiêu/báo cáo	6 tháng/năm
1	Số lượng báo, tạp chí tham gia hoạt động thông tin đối ngoại	
1.1	<i>Số lượng báo tham gia hoạt động thông tin đối ngoại</i>	
1.2	<i>Số lượng tạp chí tham gia hoạt động thông tin đối ngoại</i>	
2	Số lượng kênh phát thanh, truyền hình đối ngoại	
3	Số lượng Văn phòng báo chí Việt Nam tại nước ngoài	
4	Số lượng phóng viên Việt Nam thường trú tại nước ngoài	
5	Số lượng tin, bài trên báo nước ngoài về Việt Nam	
6	Số lượng cụm thông tin điện tử	
7	Tổng số người phụ trách đài truyền thanh tại xã, phường, đặc khu	
7.1	<i>Số người phụ trách đài truyền thanh tại xã</i>	
7.2	<i>Số người phụ trách đài truyền thanh tại phường</i>	
7.3	<i>Số người phụ trách đài truyền thanh tại đặc khu</i>	
8	Số xã, phường, đặc khu có đài truyền thanh (cả đài công nghệ và đài có dây/không dây FM)	
8.1	<i>Số xã có đài truyền thanh</i>	
8.2	<i>Số phường có đài truyền thanh</i>	
8.3	<i>Số đặc khu có đài truyền thanh</i>	
9	Số xã, phường, đặc khu có đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	
9.1	<i>Số xã có đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn</i>	

TT	Tên chỉ tiêu/báo cáo	6 tháng/năm
	<i>thông</i>	
9.2	Số phường có đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	
9.3	Số đặc khu có đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	
10	Số cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của đài truyền thanh xã, phường, đặc khu	
11	Số lượng bản tin phát thanh của đài truyền thanh xã, phường, đặc khu	
12	Số lượng bản tin thông tin cơ sở xã, phường, đặc khu	
13	Số lượng tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở xã, phường, đặc khu	
14	Số lượng bảng tin điện tử công cộng của xã, phường, đặc khu	
14.1	Số lượng bảng tin điện tử công cộng của xã	
14.2	Số lượng bảng tin điện tử công cộng của phường	
14.3	Số lượng bảng tin điện tử công cộng của đặc khu	
15	Số lượng bảng tin điện tử công cộng của xã, phường, đặc khu được kết nối với hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh	
15.1	Số lượng bảng tin điện tử công cộng của xã được kết nối với hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh	
15.2	Số lượng bảng tin điện tử công cộng của phường được kết nối với hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh	
15.3	Số lượng bảng tin điện tử công cộng của đặc khu được kết nối với hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh	
16	Số lượng tuyên truyền viên cơ sở tại thôn, bản, tổ dân phố	
17	Số lượng Trang Thông tin điện tử của UBND xã, phường, đặc khu	
17.1	Số lượng Trang Thông tin điện tử của UBND xã	
17.2	Số lượng Trang Thông tin điện tử của UBND phường	
17.3	Số lượng Trang Thông tin điện tử của UBND đặc khu	
18	Số lượng Trang Zalo OA của UBND xã, phường, đặc khu	

TT	Tên chỉ tiêu/báo cáo	6 tháng/năm
18.1	Số lượng Trang Zalo OA của UBND xã	
18.2	Số lượng Trang Zalo OA của UBND phường	
18.3	Số lượng Trang Zalo OA của UBND đặc khu	

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 0013-XBPH
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 03, 04)

STT	Tên chỉ tiêu/báo cáo	Đơn vị tính	6 tháng/năm...
I.	Lĩnh vực Xuất bản		
1.	Doanh thu hoạt động xuất bản	Tỷ đồng	6 tháng/năm
2.	Số tiền nhà xuất bản nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	Năm
3.	Lợi nhuận sau thuế của nhà xuất bản	Tỷ đồng	Năm
4.	Số nhà xuất bản	Nhà xuất bản	6 tháng/năm
5.	Số nhà xuất bản được cấp xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử	Nhà xuất bản	6 tháng/năm
6.	Số lao động của nhà xuất bản	Người	Năm
7.	Số xuất bản phẩm <i>(bao gồm sách in, xuất bản phẩm điện tử và các xuất bản phẩm khác)</i>	Xuất bản phẩm	6 tháng/năm
		Nghìn bản	6 tháng/năm
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	6 tháng/năm
7.1	Số xuất bản phẩm dạng sách in	Cuốn	6 tháng/năm
		Nghìn bản	6 tháng/năm
7.2	Số xuất bản phẩm khác <i>(các loại lịch, áp-phích, tờ rơi, tờ gấp...)</i>	Xuất bản phẩm	6 tháng/năm
		Nghìn bản	6 tháng/năm
7.3	Số xuất bản phẩm điện tử	Xuất bản phẩm	6 tháng/năm
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	6 tháng/năm
II.	Lĩnh vực In		
1.	Doanh thu lĩnh vực in	Tỷ đồng	Năm
2.	Số tiền cơ sở in nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	Năm
3.	Lợi nhuận sau thuế của cơ sở in	Tỷ đồng	Năm
4.	Số lao động của cơ sở in	Người	Năm
5.	Số lượng doanh nghiệp (cơ sở) in	Cơ sở in	Năm
6.	Sản lượng in	Trang A4	Năm
7.	Số lượng máy móc, thiết bị in được nhập khẩu	Máy, thiết bị	6 tháng/năm
8.	Tổng mức đầu tư nhập khẩu máy móc, thiết bị	Tỷ đồng	6 tháng/năm

STT	Tên chỉ tiêu/báo cáo	Đơn vị tính	6 tháng/năm...
III.	Lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm		
1.	Doanh thu lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm	Tỷ đồng	6 tháng/năm
2.	Số tiền cơ sở phát hành nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	Năm
3.	Lợi nhuận sau thuế của cơ sở phát hành	Tỷ đồng	Năm
4.	Tổng số doanh nghiệp/cơ sở hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Doanh nghiệp/ cơ sở	Năm
5.	Số lao động của cơ sở phát hành	Người	Năm
6.	Tổng số sách đã phát hành	Triệu bản	6 tháng/năm
7.	Tổng số xuất bản phẩm nhập khẩu	Triệu bản	6 tháng/năm
8.	Tổng số xuất bản phẩm xuất khẩu	Triệu bản	6 tháng/năm
9.	Kim ngạch xuất khẩu xuất bản phẩm	Triệu USD	6 tháng/năm
10.	Kim ngạch nhập khẩu xuất bản phẩm	Triệu USD	6 tháng/năm

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 0014-TCCB
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÁN BỘ
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 04)

Stt	Tên chỉ tiêu/báo cáo	6 tháng/năm...
1.	Số lượng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ (đơn vị):	
	- Quản lý nhà nước (đơn vị):	
	- Sự nghiệp (đơn vị):	
2.	Bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo đơn vị (người):	
	- Bổ nhiệm mới:	
	- Tiếp nhận, điều động, bổ nhiệm:	
3.	Thi tuyển công chức (hồ sơ):	
4.	Tiếp nhận, điều động cán bộ (cán bộ):	
5.	Nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân (cán bộ):	
6.	Số đoàn đi công tác nước ngoài (đoàn):	
7.	Số người đi công tác nước ngoài (người):	
8.	Số người nghỉ phép đi việc riêng, du lịch nước ngoài (người):	
9.	Nâng lương (người):	
	- Nâng lương thường xuyên + Phụ cấp thâm niên vượt khung:	
	- Nâng lương trước niên hạn:	
10.	Chuyển ngạch, chuyển loại viên chức (người):	
11.	Bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính và tương đương (người):	
12.	Bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương (người):	
13.	Quyết định hưu trí (người):	
14.	Phụ cấp thâm niên nhà giáo (người):	
15.	Kéo dài thời gian công tác (người):	

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 0015-TĐKT
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ THI ĐUA - KHEN THƯỞNG
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 04)

Stt	Tên chỉ tiêu/báo cáo	6 tháng/năm...
I.	KHEN THƯỞNG CẤP NHÀ NƯỚC NĂM ...:	
1.	Huân chương Hữu nghị	
2.	Huân chương Sao vàng	
3.	Huân chương Hồ Chí Minh	
	- Tập thể	
	- Cá nhân	
4.	Huân chương Độc lập	
	Hạng Nhất:	
	- Tập thể	
	- Cá nhân	
	Hạng Nhì:	
	- Tập thể	
	- Cá nhân	
	Hạng Ba:	
	- Tập thể	
	- Cá nhân	
5.	Huân chương Lao động	
	Hạng Nhất:	
	- Tập thể	
	- Cá nhân	
	Hạng Nhì:	
	- Tập thể	
	- Cá nhân	
	Hạng Ba:	
	- Tập thể	
	- Cá nhân	
6.	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ:	
	- Tập thể	
	- Cá nhân	
7.	Cờ thi đua của Chính phủ	

Stt	Tên chỉ tiêu/báo cáo	6 tháng/năm...
8.	Chiến sĩ thi đua toàn quốc	
9.	Giải thưởng Hồ Chí Minh về VHNT	
10.	Giải thưởng Nhà nước về VHNT	
11.	Nghệ nhân nhân dân	
12.	Nghệ nhân ưu tú	
13.	Nghệ sĩ nhân dân	
14.	Nghệ sĩ ưu tú	
II.	KHEN THƯỞNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ NĂM	
1.	Bằng khen của Bộ trưởng:	
	- Tập thể :	
	- Cá nhân :	
2.	Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp VHTTDL	
3.	Cờ thi đua của Bộ	
4.	Tập thể Lao động xuất sắc	
5.	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	
6.	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	
7.	Lao động tiên tiến:	
	- Tập thể	
	- Cá nhân	

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 0016-KHTC
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ KẾ HOẠCH, TÀI CHÍNH
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 04)

Đơn vị: Tỷ đồng

Stt	Tên chỉ tiêu/báo cáo	6 tháng/năm...
I.	Vốn đầu tư phát triển (nguồn vốn trong nước):	
1.	Vốn chuẩn bị đầu tư	
2.	Vốn thực hiện dự án	
II.	Chi thường xuyên cho sự nghiệp văn hoá, thể thao và du lịch (các đơn vị trực thuộc Bộ):	
III.	Các Chương trình mục tiêu quốc gia	
1.	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
1.1	Vốn đầu tư phát triển	
	- Đầu tư qua Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
	- Đầu tư qua địa phương	
1.2	Ngân sách sự nghiệp	
	- Đầu tư qua Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
	- Đầu tư qua địa phương	
2.	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	
3.	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	

BIỂU MẪU SỐ LIỆU 0017- KHCNĐTMT
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐÀO TẠO VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 04)

STT	NỘI DUNG	Năm...
I.	VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG	
1.	Tổng số các đơn vị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và môi trường do Bộ quản lý:	
1.1	- Đơn vị quản lý Nhà nước:	
	- Đơn vị sự nghiệp:	
2.	Nhân lực thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và môi trường:	
	Theo học hàm, học vị:	
	- Giáo sư, Phó Giáo sư:	
	- Tiến sĩ khoa học và Tiến sĩ:	
	- Thạc sĩ:	
	- Đại học:	
3.	Kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và môi trường:	
3.1	Nhiệm vụ khoa học (đề tài, dự án) cấp Nhà nước:	
	- Đăng ký:	
	- Phê duyệt:	
3.2	Nhiệm vụ khoa học (đề tài, dự án) cấp Bộ ^(*) :	
	- Đăng ký:	
	- Phê duyệt:	
3.3	Nhiệm vụ khoa học (đề tài, dự án) cấp cơ sở:	
3.4	Dự án bảo vệ môi trường:	
	- Đăng ký:	
	- Phê duyệt:	
3.5	Dự án phát triển và ứng dụng công nghệ:	
	- Đăng ký:	
	- Phê duyệt:	
3.6	Số sáng chế được cấp:	
3.7	Số giải pháp hữu ích được cấp:	
3.8	Số bài được đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước:	
3.9	Số bài được đăng trên các tạp chí chuyên ngành quốc tế:	
3.10	Số đề án nghiên cứu chính sách được phê duyệt:	
3.11	Số văn bản pháp quy đã được ban hành:	
II.	VỀ ĐÀO TẠO	

STT	NỘI DUNG	Năm...
1.	Số lượng cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ:	
	- Viện nghiên cứu	
	- Đại học/Học viện:	
	- Cao đẳng/Cao đẳng nghề:	
	- Trung cấp:	
	- Khác:	
2.	Số lượng cán bộ, giáo viên, giảng viên các cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ:	
	- Cán bộ quản lý (người):	
	- Giảng viên (người):	
	- Giáo viên (người):	
	- Khác (người):	
3.	Số lượng học viên, sinh viên, học sinh tuyển sinh và tốt nghiệp các cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ (người):	
3.1	<i>Tuyển sinh</i>	
	- Tiến sĩ:	
	- Thạc sĩ:	
	- Đại học:	
	- Cao đẳng:	
	- Cao đẳng nghề:	
	- Trung cấp:	
	- Trung cấp nghề:	
	- Sơ cấp:	
	- Sơ cấp nghề:	
3.2	<i>Tốt nghiệp</i>	
	- Tiến sĩ:	
	- Thạc sĩ:	
	- Đại học:	
	- Cao đẳng	
	- Cao đẳng nghề:	
	- Trung cấp:	
	- Trung cấp nghề:	
	- Sơ cấp:	
	- Sơ cấp nghề:	

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 0018-HTQT
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 04)

Stt	Tên chỉ tiêu/báo cáo	6 tháng/năm...
1.	Tổng số đoàn ra nước ngoài Tổng số lượt người	
2.	Tổng số đoàn vào Tổng số lượt người	
3.	Tổng số văn bản hợp tác quốc tế ký kết trong năm: - Điều ước quốc tế song phương - Điều ước quốc tế đa phương	



Phụ lục II
DANH MỤC ĐỀ CƯƠNG, BIỂU MẪU SỐ LIỆU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC LĨNH VỰC
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Kèm theo Thông tư số: 13 /2025/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 9 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Stt	Tên Báo cáo	Đề cương báo cáo	Biểu mẫu số liệu	Thời hạn gửi báo cáo	Cơ quan thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo
Đề cương báo cáo số 01	Báo cáo kết quả thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ¹	x	x	Trước ngày 30/11	Thành viên Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban Chỉ đạo Phong trào các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp xã, phường	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Văn hóa cơ sở, Gia đình và Thư viện)
Báo cáo lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan						
Đề cương báo cáo số 02	Báo cáo về hoạt động của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan năm ²	x	x	Trước ngày 15/12	Các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả)
Đề cương báo cáo số 03	Báo cáo về hoạt động của tổ chức tư vấn, dịch vụ về quyền tác giả, quyền liên quan ³	x		Trước ngày 15/12	Các tổ chức tư vấn, dịch vụ về quyền tác giả, quyền liên quan	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả)
Đề cương	Báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức	x		- Kỳ 6 tháng	Các tổ chức giám định	Bộ Văn hóa, Thể

¹ Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 306/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ban hành kèm theo Quyết định số 159/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

² Theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ.

³ Theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ.

báo cáo số 04	giám định quyền tác giả, quyền liên quan ⁴			đầu năm: Trước ngày 16 tháng 6 của kỳ báo cáo) - Kỳ báo cáo năm (Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 16 tháng 12 của kỳ báo cáo)	quyền tác giả, quyền liên quan	thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả)
Đề cương báo cáo số 05	Báo cáo về hoạt động của tổ chức phi lợi nhuận, cơ quan nhà nước có hoạt động hoặc chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, tiếp cận thông tin và đọc thích nghi theo phương pháp và cách thức phù hợp ⁵	x		Trước ngày 15/12	Các tổ chức phi lợi nhuận, cơ quan nhà nước có hoạt động hoặc chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, tiếp cận thông tin và đọc thích nghi theo phương pháp và cách thức phù hợp	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả)
Báo cáo lĩnh vực thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại						

⁴ Theo quy định tại Điều 95 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ.

⁵ Theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ.

Đề cương báo cáo số 06	Báo cáo tổng kết công tác quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại ⁶	x		Trước ngày 15/12	Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Thông tin cơ sở và Thông tin đối ngoại)
Đề cương báo cáo số 07	Báo cáo tổng kết công tác quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại ⁷	x		Trước ngày 15/12	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Thông tin cơ sở và Thông tin đối ngoại)
Báo cáo lĩnh vực xuất bản và phát hành						
Báo cáo số 08	Báo cáo hoạt động xuất bản ⁸		x	Kỳ 6 tháng đầu năm: - Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. - Thời hạn gửi báo cáo trước	Các Nhà xuất bản	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Xuất bản, In và Phát hành)

⁶ Thông tư 02/2019/TT-BTTTT ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về quản lý hoạt động TTĐN của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, thời hạn báo cáo: định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hằng năm; Báo cáo của địa phương theo Thông tư số 22/2016/TT-BTTTT ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Hướng dẫn quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hằng năm.

⁷ Thông tư 02/2019/TT-BTTTT ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Bộ TTTT hướng dẫn về quản lý hoạt động TTĐN của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, thời hạn báo cáo: định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hằng năm; Báo cáo của địa phương theo Thông tư số 22/2016/TT-BTTTT ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Hướng dẫn quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hằng năm.

⁸ Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 6 Luật Xuất bản; khoản 7 Điều 2 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; Điều 2 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023); Hiện đang có hiệu lực tại Thông tư số 02/2023/TT-BTTTT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ TTTT.

				ngày 16 tháng 6 của kỳ báo cáo.		
			x	Kỳ báo cáo năm: - Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. - Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 16 tháng 12 của kỳ báo cáo.		
Đề cương báo cáo số 09	Báo cáo tình hình hoạt động của văn phòng đại diện	x		- Kỳ 6 tháng đầu năm: Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 16 tháng 6 của kỳ báo cáo. - Kỳ báo cáo năm: Thời gian chốt số liệu báo	Văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố nơi đặt Văn phòng đại diện.

				cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 16 tháng 12 của kỳ báo cáo.		
Đề cương báo cáo số 10	Báo cáo kết quả hoạt động phát hành xuất bản phẩm		x	Kỳ 6 tháng đầu năm: Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. - Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 16 tháng 6 của kỳ báo cáo.	Cơ sở phát hành xuất bản phẩm	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao
		x	x	Kỳ báo cáo năm: - Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của		

				kỳ báo cáo. - Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 16 tháng 12 của kỳ báo cáo.		
Báo cáo số 11	Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu kinh doanh ⁹		x	03 tháng /lần (báo cáo quý): - Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo. - Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 18 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo	Cơ sở/ doanh nghiệp nhập khẩu xuất bản phẩm	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Xuất bản, In và Phát hành)
Đề cương báo cáo số 12	Báo cáo công tác quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản	x	x	- Kỳ 6 tháng đầu năm: trước ngày 18 tháng 6 kỳ báo cáo. - Kỳ báo cáo năm: trước	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch / Sở Văn hóa và Thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Xuất bản, In và Phát hành)

⁹Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 6 Luật Xuất bản; khoản 7 Điều 2 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; Điều 2 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023); Hiện đang có hiệu lực tại Thông tư số 02/2023/TT-BTTTT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ TTTT.

				ngày 18 tháng 12 của kỳ báo cáo.		
Báo cáo lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử¹⁰ (Địa chỉ nhận báo cáo https://report.abei.gov.vn/).						
Đề cương báo cáo số 13	Báo cáo tình hình hoạt động phát thanh, truyền hình			6 tháng/1 năm	Các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 14	Báo cáo đánh giá về tỷ lệ nội dung, thời điểm, thời lượng dành cho trẻ em và cảnh báo nội dung không phù hợp với trẻ em trên phát thanh, truyền hình.			Năm	Các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 15	Báo cáo đánh giá về tỷ lệ nội dung, thời lượng chương trình dân tộc trên phát thanh, truyền hình.			Năm	Các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 16	Báo cáo về tỷ lệ phát sóng phim Việt Nam, phim dành cho trẻ em dưới 16 tuổi trên truyền hình.			Năm	Các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 17	Báo cáo về hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình.			Năm	Các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình có thực hiện hoạt động liên kết sản xuất	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

¹⁰ Thông tư số 02/2023/TT-BTTTT ngày 21/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Đề cương báo cáo số 18	Báo cáo hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu.			Năm	Các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình có thực hiện hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 19	Báo cáo định kỳ hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền			6 tháng/1 năm	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 20	Báo cáo định kỳ hoạt động cung cấp nội dung dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.			6 tháng/1 năm	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 21	Báo cáo định kỳ hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá.			6 tháng/1 năm	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 22	Báo cáo định kỳ chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.			6 tháng/ 1 năm	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 23	Báo cáo tình hình thực hiện Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Mẫu số 14 ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ- CP ngày 09/11/2024		Năm (25/11 hàng năm)	Các doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp trong nước	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

		của Chính phủ				
Đề cương báo cáo số 24	Báo cáo tình hình thực hiện Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Mẫu số 15 ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ- CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ		Năm (25/11 hàng năm)	Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trong nước	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 25	Báo cáo hoạt động cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam	Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ- CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ		Năm (25/11 hàng năm)	Các nền tảng cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 26	Báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng	Mẫu số 47 ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ- CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ		6 tháng/1 năm (Chậm nhất ngày 06/6 và 25/11 hàng năm)	Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 27	Báo cáo hoạt động quản lý nhà nước về thông tin điện tử trên mạng	Điểm b, khoản 10 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ- CP ngày		6 tháng/1 năm (Chậm nhất ngày 08/6 và 25/11 hàng năm)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch / Sở Văn hóa và Thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

		09/11/2024 của Chính phủ				
Đề cương báo cáo số 28	Báo cáo về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử			Hàng Quý	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch / Sở Văn hóa và Thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 29	Báo cáo hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng tại địa phương	Biểu mẫu số 48 ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ- CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ		6 tháng/1 năm (chậm nhất ngày 08/6 và 27/11 hàng năm)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 01

*(Áp dụng đối với Thành viên Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban Chỉ đạo phong trào
“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.... /BC-.....

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Phong trào
“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm...

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Văn hóa cơ sở, Gia đình và Thư viện)

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Đặc điểm tình hình
2. Công tác chỉ đạo, triển khai phong trào
 - a) Hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh/thành
 - b) Công tác tuyên truyền
 - c) Việc bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động Phong trào

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHONG TRÀO NĂM...

1. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.
2. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, hạnh phúc, tiêu biểu; khu dân cư văn hóa, tiêu biểu.
3. Thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trong giai đoạn mới.
4. Xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa.
5. Lồng ghép thực hiện các cuộc vận động, phong trào hiện có gắn với thực hiện các nhiệm vụ, kinh tế, xã hội và chuyên môn nghiệp vụ.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHONG TRÀO NĂM...**1. Phương hướng****2. Nhiệm vụ****IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ****Nơi nhận:**

- Như trên;
-
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ*(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)*

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 001-TĐĐKXDĐSVH
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ PHONG TRÀO
TOÀN DÂN ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA

Stt	Nội dung	Năm...
1 .	Công tác tập huấn	
	- Cấp tỉnh:	
	+ Số lớp	
	+ Số học viên	
	- Cấp xã:	
	+ Số lớp	
	+ Số học viên	
2 .	Công tác tuyên truyền	
	- Cấp tỉnh:	
	+ Số cuộc tuyên truyền	
	+ Số người tham dự	
	- Cấp xã:	
	+ Số cuộc tuyên truyền	
	+ Số người tham dự	
3 .	Khen thưởng (tập thể)	
	- Cấp tỉnh	
	- Cấp xã	
4 .	Kinh phí cấp cho Ban Chỉ đạo	
	- Cấp tỉnh	
	- Cấp xã	
5 .	Phong trào Thể dục thể thao	
	- Số người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên	
	- Tỷ lệ trên tổng số dân (%)	
6 .	Tổng số “người tốt, việc tốt” được bình xét	

(Kèm theo Đề cương báo cáo số 01)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 02*(Áp dụng đối với các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan)***TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.... /BC-.....

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO**Về hoạt động năm của....¹¹.....**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả)

1. Thông tin chung

- Tên tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan¹²:
- Thành lập năm... theo văn bản cho phép thành lập của cơ quan/ tổ chức
- Lĩnh vực đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan:
- Số lượng hội viên (là tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan) đã ký hợp đồng ủy thác quyền tác giả, quyền liên quan từ khi thành lập đến nay:.....
- Số lượng tác phẩm/cuộc biểu diễn/bản ghi âm, ghi hình/chương trình phát sóng đã được tác giả/chủ sở hữu quyền tác giả/chủ sở hữu quyền liên quan ủy thác quản lý theo hợp đồng từ khi thành lập đến nay:

2. Kết quả hoạt động năm...

STT	Nội dung	Số liệu
1	Tổng số tiền bản quyền thu được từ cho phép khai thác quyền tác giả, quyền liên quan ¹³ được ủy quyền trong năm ...	
1.1	Số tiền bản quyền thu được từ cho phép khai thác quyền tác giả, quyền liên quan của tổ chức, cá nhân Việt Nam trong năm ...	

¹¹ Tên của Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan.¹² Tính đến tháng 7/2025 có 06 tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan tại Việt Nam, bao gồm: (1) Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam; (2) Trung tâm Quyền tác giả văn học Việt Nam; (3) Hiệp hội Công nghiệp ghi âm Việt Nam; (4) Hiệp hội Quyền sao chép Việt Nam; (5) Hội Bảo vệ quyền của nghệ sĩ biểu diễn âm nhạc Việt Nam; (6) Hội Bảo vệ quyền đối với tác phẩm điện ảnh và phim truyền hình Việt Nam. Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan (Luật Sở hữu trí tuệ, các văn bản quy định chi tiết và biện pháp thi hành) và về hội (Nghị định, Thông tư quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội).¹³ Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu (khoản 2 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ). Quyền liên quan đến quyền tác giả (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tính hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa (khoản 3 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ).

1.2	Số tiền bản quyền thu được từ cho phép khai thác quyền tác giả, quyền liên quan của tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng tại Việt Nam theo thỏa thuận đại diện có đi có lại với các tổ chức tương ứng của tổ chức quốc tế và quốc gia trong việc bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trong năm ...	
2	Tổng số tiền đã phân phối về cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ủy thác quyền trong năm	
2.1	Số tiền đã phân phối về cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan Việt Nam đã ủy thác quyền trong năm ...	
2.2	Số tiền đã phân phối về cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan nước ngoài có tác phẩm/ cuộc biểu diễn/ bản ghi âm, ghi hình/ chương trình phát sóng sử dụng tại Việt Nam theo thỏa thuận đại diện có đi có lại với các tổ chức tương ứng của tổ chức quốc tế và quốc gia trong việc bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trong năm ...	
3	Số lượng hội viên ký hợp đồng ủy thác quyền tác giả, quyền liên quan trong năm	
4	Số lượng tác phẩm/ cuộc biểu diễn/ bản ghi âm, ghi hình/ chương trình phát sóng đã được tác giả/ chủ sở hữu quyền tác giả/ chủ sở hữu quyền liên quan ủy thác quản lý theo hợp đồng trong năm	

Các nội dung về hoạt động đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan: sửa đổi, bổ sung điều lệ, quy chế hoạt động; cơ chế quản lý tài chính; thay đổi nhân sự lãnh đạo; tham gia các tổ chức quốc tế; các hoạt động đối ngoại khác; biểu mức, phương thức thanh toán tiền bản quyền; chương trình kế hoạch dài hạn và hàng năm; tình hình hoạt động, ký hợp đồng ủy quyền, hợp đồng cấp phép sử dụng; tình hình hội viên ủy quyền, số lượng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được ủy quyền; hoạt động thu, mức thu, phương thức phân chia, cách thức thực hiện việc phân chia tiền bản quyền, quy chế thu và phân chia tiền bản quyền; báo cáo thường niên, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; các hoạt động liên quan khác.

3. Khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan; nguyên nhân và giải pháp

4. Phương hướng, kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm năm tiếp theo

5. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...

- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 03*(Áp dụng đối với các Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan)***TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.... /BC-.....

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO**Về hoạt động năm của....¹⁴.....**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả)

1. Thông tin chung về tổ chức

- Tên tổ chức, địa chỉ.
- Người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu tổ chức.

2. Kết quả hoạt động trong năm

1. Hoạt động tư vấn liên quan đến quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

- Hoạt động đại diện cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan tiến hành thủ tục nộp đơn đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan theo ủy quyền.

- Hoạt động tham gia các quan hệ pháp luật khác về quyền tác giả, quyền liên quan (nếu có).

3. Đánh giá, nhận xét, khó khăn, vướng mắc, kiến nghị...**4. Kế hoạch hoạt động năm tới...****Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...

- Lưu: VT.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức*(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)*

¹⁴ Tên của Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 04*(Áp dụng đối với Tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan)***TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.... /BC-.....

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO**Về hoạt động 6 tháng/năm..... của....¹⁵.....**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả)

1. Thông tin chung về tổ chức

- Tên tổ chức giám định (theo Quyết định thành lập/cho phép hoạt động).
- Địa chỉ trụ sở.
- Người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu tổ chức.
- Danh sách giám định viên và lĩnh vực giám định đang hoạt động.

2. Kết quả hoạt động giám định trong kỳ...**3. Đánh giá, nhận xét, khó khăn, vướng mắc, kiến nghị...****4. Kế hoạch hoạt động thời gian tới...****Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...
- Lưu: VT.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức*(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)*¹⁵ Tên của Tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 05

(Áp dụng đối với Tổ chức phi lợi nhuận, cơ quan nhà nước có hoạt động hoặc chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, tiếp cận thông tin và độc thích nghi theo phương pháp và cách thức phù hợp)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.... /BC-.....

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO**Về hoạt động năm của....¹⁶.....**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả)

1. Thông tin chung về tổ chức

- Tên tổ chức (theo Giấy phép/Quyết định thành lập), địa chia.
- Người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu tổ chức.
- Chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận tác phẩm.
- Cơ cấu nhân sự, bộ phận trực tiếp triển khai dịch vụ.

2. Kết quả hoạt động trong năm

- Danh mục bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận của tổ chức, việc công khai danh mục này trên trang thông tin điện tử của tổ chức, địa chỉ trang thông tin điện tử.
- Thực hiện hoạt động theo quy định tại Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ.

3. Đánh giá, nhận xét, khó khăn, vướng mắc, kiến nghị...**4. Kế hoạch hoạt động năm tới...****Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...

- Lưu: VT.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức*(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)*

¹⁶ Tên của Tổ chức quy định tại Khoản 3 và 4 Điều 30 Nghị định 17/2023/NĐ-CP.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 06*(Áp dụng đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ)***BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

..., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO TỔNG KẾT**Công tác quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại...****I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH****1. Thuận lợi****2. Khó khăn****II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN****1. Xây dựng và ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành hoạt động thông tin đối ngoại****2. Phân công tổ chức, bố trí nhân sự phụ trách công tác thông tin đối ngoại****3. Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thông tin đối ngoại****4. Xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, dự án thông tin đối ngoại****5. Các hoạt động thông tin đối ngoại cụ thể**

a) Công tác theo dõi thông tin; phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí

b) Cơ sở dữ liệu về thông tin đối ngoại

c) Sản xuất xuất bản phẩm thông tin đối ngoại

d) Tổ chức sự kiện thông tin đối ngoại trong và ngoài nước

đ) Hỗ trợ, hợp tác với báo chí nước ngoài để quảng bá Việt Nam

e) Các hình thức khác (nếu có)

6. Kinh phí**III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN****1. Ưu điểm****2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân****IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM TỚI****V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT***Nơi nhận:*

-

-

- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ*(Ký tên, đóng dấu)*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 07*(Áp dụng đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)***UBND TỈNH, THÀNH PHỐ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày tháng năm

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI...****I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH****1. Thuận lợi****2. Khó khăn****II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN****1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo, điều hành hoạt động thông tin đối ngoại****2. Bố trí nhân sự phụ trách công tác thông tin đối ngoại****3. Công tác đào tạo, tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ****4. Công tác tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án trong lĩnh vực thông tin đối ngoại****5. Triển khai các hoạt động thông tin đối ngoại****6. Kinh phí****III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN****1. Ưu điểm****2. Tồn tại, hạn chế****IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM TỚI****V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT****Nơi nhận:**

- Bộ VH-TT-DL;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**CHỦ TỊCH***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 008-XBPH*(Áp dụng đối với các nhà xuất bản)***CƠ QUAN CHỦ QUẢN...**
NHÀ XUẤT BẢN...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố:...../BC-⁽¹⁾

... .., ngày... .. tháng... .. năm... ..

BÁO CÁO**Hoạt động xuất bản 6 tháng đầu năm.....****I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM****1. Kết quả thực hiện xuất bản⁽²⁾**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng (3)
I	Thực hiện xuất bản xuất bản phẩm (Mục I.1+I.2)	XBP	
		Nghìn bản	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
I.1	Xuất bản phẩm in (Mục I.1= mục I.1.1 + I.1.2)	XBP	
		Nghìn bản	
I.1.1	Xuất bản phẩm dạng sách in	Cuốn	
		Nghìn bản	
I.1.2	Xuất bản phẩm khác (các loại lịch, áp-phích, tờ rời, tờ gấp...)	XBP	
		Nghìn bản	
I.2	Xuất bản phẩm điện tử (Mục I.2= mục I.2.1 + I.2.2)	XBP	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
I.2.1	Sách điện tử	Cuốn	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
I.2.2	Xuất bản phẩm điện tử khác (...)	XBP	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
II	Doanh thu	Tỷ đồng	

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị**3. Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị****II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC 6 THÁNG CUỐI NĂM (nếu có)***(1) Tên viết tắt của đơn vị báo cáo**(2) Kết quả thực hiện xuất bản có thể lập thành phụ lục riêng kèm theo báo cáo.*

(3) Ghi số liệu tách thành 2 loại: Nghìn bản đối với xuất bản phẩm in, Nghìn lượt phát hành đối với xuất bản phẩm điện tử, Nghìn bản đối với xuất bản phẩm điện tử được lưu ở các thiết bị lưu trữ dạng USB, CD, VCD, DVD...

Nơi nhận:

- Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch;
- Cục XBIPH;
- Cơ quan chủ quản NXB;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC/TỔNG GIÁM ĐỐC

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 008-XBPH*(Áp dụng đối với các nhà xuất bản)***CƠ QUAN CHỦ QUẢN...
NHÀ XUẤT BẢN...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:...../BC-.....⁽¹⁾

... .., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO**Hoạt động xuất bản năm.....****A. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ XUẤT BẢN****I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ xuất bản⁽²⁾**

TT	Nội dung báo cáo	Đơn vị tính	Số lượng (3)
I	Thực hiện xuất bản xuất bản phẩm (I= I.1+ I.2)	XBP	
		Nghìn bản	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
I.1	Xuất bản phẩm in (Mục I.1= I.1.1 + I.1.2)	XBP	
		Nghìn bản	
I.1.1	Xuất bản phẩm dạng sách in	Cuốn	
		Nghìn bản	
	<i>Chi tiết mục I.1.1 (Mục I.1.1= a+b)</i>		
a	Tự xuất bản	Cuốn	
		Nghìn bản	
b	Liên kết xuất bản	Cuốn	
		Nghìn bản	
c	Sách tái bản	Cuốn	
		Nghìn bản	
I.1.2	Xuất bản phẩm khác (các loại lịch, áp-phích, tờ rời, tờ gấp...)	XBP	
		Nghìn bản	
	<i>Chi tiết mục I.1.2 (I.1.2=a+b)</i>		
a	Tự xuất bản	XBP	
		Nghìn bản	
b	Liên kết	XBP	
		Nghìn bản	
c	Xuất bản phẩm tái bản	XBP	
		Nghìn bản	
I.2	Xuất bản phẩm điện tử (Mục I.2 = I.2.1 + I.2.2)	XBP	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
I.2.1	Sách điện tử	Cuốn	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt	

		phát hành	
	<i>Chi tiết mục I.2.1 (Mục 1.2.1 = a+b)</i>		
a	Tự xuất bản	Cuốn	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
b	Liên kết xuất bản	Cuốn	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
c	Xuất bản phẩm tái bản	Xuất bản phẩm	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
I.2.2	Xuất bản phẩm điện tử khác (...)	Xuất bản phẩm	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
	<i>Chi tiết mục I.2.2 (Mục II.2.2 = a+b)</i>		
a	Tự xuất bản	Xuất bản phẩm	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
b	Liên kết xuất bản	Xuất bản phẩm	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
c	Xuất bản phẩm tái bản	Xuất bản phẩm	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	

II. Kết quả sản xuất, kinh doanh

TT	Nội dung báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	So sánh năm... (%)
1	Tổng số vốn	Tỷ đồng		
2	Tổng doanh thu (Mục 2=2.1+2.2)	Tỷ đồng		
2.1	Tự doanh	Tỷ đồng		
2.2	Liên doanh, liên kết	Tỷ đồng		

3	Tổng chi phí	Tỷ đồng		
4	Các khoản nộp ngân sách (Mục 4=4.1+4.2+4.3)	Tỷ đồng		
4.1	Thuế GTGT	Tỷ đồng		
4.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng		
4.3	Các loại thuế khác	Tỷ đồng		
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng		
6	Thu nhập bình quân người/tháng	Triệu đồng		
	Trong đó: Lương bình quân người/tháng	Triệu đồng		

III. Cơ cấu tổ chức:

1	Các chức danh lãnh đạo	Người	
2	Các phòng ban, bộ phận	Phòng	
3	Tổng số lao động	Người	
3.1	Biên tập viên	Người	
3.2	Khối văn phòng	Người	
3.3	Công nhân, nhân viên	Người	
4	Trình độ (Mục 4=4.1+4.2+4.3)	Người	
4.1	Trên đại học	Người	
4.2	Đại học	Người	
4.3	Khác	Người	

IV. Đánh giá

1. Ưu điểm
2. Tồn tại, hạn chế
3. Khó khăn, vướng mắc
4. Nguyên nhân

V. Kiến nghị, đề xuất

B. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM TIẾP THEO (nếu có)

Nơi nhận:

- Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch;
- Cục XBIPH;
- Cơ quan chủ quản NXB;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC/TỔNG GIÁM ĐỐC

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

(1) Tên viết tắt của đơn vị báo cáo

(2) Kết quả thực hiện xuất bản có thể lập thành phụ lục riêng kèm theo báo cáo

(3) Ghi số liệu tách thành 2 loại: Nghìn bản đối với xuất bản phẩm in, Nghìn lượt phát hành đối với xuất bản phẩm điện tử, Nghìn bản đối với xuất bản phẩm điện tử được lưu ở các thiết bị lưu trữ dạng USB, CD, VCD, DVD...

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 09*(Áp dụng đối với văn phòng đại diện)*

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /..... (nếu có)

....., ngày..... tháng năm

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động của văn phòng đại diện.....

(Từ ngày ... tháng ... đến ngày ... tháng ... năm.....)⁽¹⁾

1. Báo cáo nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện (nêu rõ công việc đã thực hiện và kết quả):

- Tuyên truyền, giới thiệu về xuất bản phẩm (số lượng cụ thể);
- Xúc tiến hợp tác về xuất bản, in, phát hành, bản quyền tác giả;
- Các hoạt động khác (nếu có).

2. Về tổ chức, nhân sự của Văn phòng đại diện

- Người đứng đầu:
- Quốc tịch:
- Số lượng nhân viên;
- Các thay đổi về nhân sự, địa điểm của Văn phòng đại diện (nếu có);
- Hoạt động khác (nếu có).

3. Tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động Văn phòng đại diện:

- Các quy định pháp luật về xuất bản;
- Các quy định pháp luật khác có liên quan;
- Các nội dung khác (nếu có).

4. Đề xuất, kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước (nếu có)

-

Nơi nhận:

- Sở VH TTDL/VHTT....;
- Lưu:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)

(1) Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 010-XBPH
(Áp dụng đối với cơ sở phát hành xuất bản phẩm)
(Kèm theo Đề cương số 10)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-⁽¹⁾

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động phát hành xuất bản phẩm 6 tháng đầu năm.....⁽²⁾

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Năm.....		
			Thực hiện	% so với kế hoạch năm trước	% so với cùng kỳ năm trước
1	Tổng số sách phát hành	Bản			
	Trong đó:				
	- Sách giáo khoa				
2	Tổng số xuất bản phẩm phát hành	Bản			
	- Lịch Bloc				
	- Các mặt hàng khác				
3	Xuất nhập khẩu (nếu có)	Tờ, bản			
	- Nhập khẩu:				
	+ Tổng số sách				
	+ Tổng số xuất bản phẩm không phải sách				
	- Xuất khẩu:				
	+ Tổng số sách				
	+ Tổng số xuất bản phẩm không phải sách				
4	Tổng số doanh thu:	Triệu đồng			
	- Doanh thu từ sách				
	- Doanh thu từ xuất bản phẩm				
5	Tổng kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	USD			
6	Tổng kim ngạch nhập khẩu (nếu có)	USD			
7	Tổng số cửa hàng	Cửa hàng			
	- Xây dựng và sửa chữa mới				

Nơi nhận:

- Sở VH TTDL/Sở VH TT....

- Lưu: VT.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)

Chú thích:

⁽¹⁾ Tên viết tắt của cơ sở báo cáo;

⁽²⁾ Biểu mẫu số liệu chi tiết kèm theo báo cáo;

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 10*(Áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động phát hành xuất bản phẩm)***TÊN ĐƠN VỊ.....****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố /BC-⁽¹⁾

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM NĂM ...**I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG****1. Thuận lợi****2. Khó khăn****II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG****1. Phục vụ nhiệm vụ chính trị****2. Hoạt động kinh doanh**

- Tình hình hoạt động kinh doanh.
- Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo kết quả hoạt động phát hành xuất bản phẩm theo mẫu đính kèm ⁽²⁾.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (NẾU CÓ)**Nơi nhận:**

- Sở VH TTDL/Sở VH TT...
- Lưu: VT, ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT*(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)*

(1) Tên viết tắt của cơ sở báo cáo

(2) Phụ lục số liệu chi tiết kèm theo báo cáo

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 010-XBPH
(Kèm theo Đề cương số 10)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM NĂM ...
(Kèm theo Báo cáo số: ngày..... tháng..... năm.....)

TT	Diễn giải ⁽¹⁷⁾	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Tăng, giảm so với năm liền trước (%)
1	Tổng số sách phát hành	Bản		
	Trong đó:			
	- Sách giáo khoa			
2	Tổng số xuất bản phẩm phát hành	Bản		
	- Lịch Bloc			
	- Các mặt hàng khác			
3	Xuất nhập khẩu (nếu có)	Tờ, bản		
	- Nhập khẩu:			
	+ Tổng số sách			
	+ Tổng số xuất bản phẩm không phải sách			
	- Xuất khẩu:			
	+ Tổng số sách			
	+ Tổng số xuất bản phẩm không phải sách			
4	Tổng số doanh thu	Triệu đồng		
	Trong đó:			
	- Doanh thu từ sách			
	- Doanh thu từ xuất bản phẩm			
5	Tổng kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	USD		
6	Tổng kim ngạch nhập khẩu (nếu có)	USD		
7	Tổng các khoản nộp ngân sách	Triệu đồng		
8	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng		
9	Tổng số lao động	Người		
10	Tổng số địa điểm kinh doanh	Điểm		
	- Cửa hàng, siêu thị tại trung tâm tỉnh			
	- Cửa hàng tại huyện, thị xã			
	- Xây dựng và sửa chữa mới			
	- Dự kiến xây dựng, sửa chữa			

....., ngày..... tháng..... năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)

¹⁷ Cơ sở phát hành xuất bản phẩm có nhiều chi nhánh, địa điểm kinh doanh phải tổng hợp số liệu, kết quả để báo cáo.

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 011-XBIPH
(Áp dụng cho các doanh nghiệp nhập khẩu xuất bản phẩm)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ) ...
TÊN CƠ SỞ NHẬP KHẨU XUẤT BẢN PHẨM...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

... .., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO
Tổng hợp kết quả thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu kinh doanh⁽¹⁾

STT	Mã ISBN	Nhà xuất bản	Tên gốc của xuất bản phẩm	Tên xuất bản phẩm bằng tiếng Việt	Số lượng (bản)	Số hiệu đơn đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh	Số hiệu của giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu	Kết quả thẩm định	Kết luận của người đứng đầu cơ sở nhập khẩu
1									
2									
3									
4									
5									
...									

Nơi nhận:

- Cục Xuất bản, In và Phát hành;
- Lưu: VT,....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)

Chú thích: (1) Mẫu này sử dụng đối với cơ sở hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm, được lập định kỳ 03 tháng/lần theo quy định tại Điều b Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 12

*(Áp dụng đối với các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/
Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố)*

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...
SỞ VH TT DL / VH TT...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

Số:... /BC-.....

BÁO CÁO**Công tác quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản⁽¹⁾****I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC LĨNH VỰC XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM ⁽²⁾**

Tổng hợp, đánh giá tình hình chung về hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư, nguồn nhân lực ... và việc chấp hành các quy định của pháp luật của các đơn vị trên địa bàn.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG CÁC LĨNH VỰC XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM

1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

2. Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật

3. Công tác giải quyết thủ tục hành chính *(cấp phép, đăng ký, xác nhận....có danh mục số liệu cụ thể kèm theo)*

3.1. Lĩnh vực xuất bản

3.2. Lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm *(có số liệu cụ thể)*

5. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành ở trung ương và địa phương trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm

6. Công tác khác phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM**V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT****Nơi nhận:**

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- UBND tỉnh, thành phố;
- Cục Xuất bản, In và Phát hành;
- Lưu: ...

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)

⁽¹⁾ Báo cáo phải kèm theo các phụ lục Bảng tổng hợp số liệu

⁽²⁾ Tổng hợp và đánh giá khái quát tình hình, các ưu điểm, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

⁽³⁾ Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 012-XBIPH
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 12)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....
SỞ VH TTDL/VHTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-

....., ngày..... tháng..... năm.....

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU
(Kèm theo báo cáo số:...../BC-SVHTTDL/SVHTT ngày.... tháng.....năm.....)

I. LĨNH VỰC XUẤT BẢN

STT	Tên chỉ tiêu/báo cáo		Đơn vị tính	Số lượng	So với cùng kỳ năm trước (tăng, giảm %)	Ghi chú
1	Số liệu liên quan đến văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài	Số lượng giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài - cấp mới	Giấy phép			
		Số lượng giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài - cấp lại	Giấy phép			
		Số lượng đề nghị gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài	Phụ lục			
		Số lượng đề nghị điều chỉnh, bổ sung thông tin giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài	Phụ lục			
		Tổng số văn phòng đại diện tại Việt	Văn phòng			

		Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài trên địa bàn	đại diện			
2	Số lượng giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh		Giấy phép			
3	Số lượng tài liệu không kinh doanh nộp lưu chiểu		XBP			
4	Độc kiểm tra lưu chiểu		XBP			

II. LĨNH VỰC PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM

STT	Tên chỉ tiêu/báo cáo		Đơn vị tính	Số lượng	So với cùng kỳ năm trước (tăng, giảm %)	Ghi chú
1	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	Số lượng giấy phép đã cấp	Giấy phép			
		Số lượng tên xuất bản phẩm	Cuốn			
		Số lượng bản xuất bản phẩm nhập khẩu	Bản			
2	Số liệu liên quan đến văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Số lượng giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài - cấp mới	Giấy phép			
		Số lượng giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài - cấp lại	Giấy phép			
		Số lượng đề nghị gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Phụ lục			
		Số lượng đề nghị điều chỉnh, bổ sung thông tin giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Phụ lục			

		Tổng số văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài trên địa bàn	Văn phòng đại diện			
3	Số lượng giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ		Giấy phép			
4	Số lượng xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm		Giấy xác nhận			
5	Tổng số cơ sở phát hành xuất bản phẩm (Trung tâm, siêu thị, nhà sách, cửa hàng, hộ kinh doanh)		Cơ sở			
6	Tổng số cơ sở phát hành xuất bản phẩm là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập		Cửa hàng			
7	Tổng số lao động của cơ sở phát hành xuất bản phẩm		Người			
8	Tổng số xuất bản phẩm phát hành		Triệu bản			
8.1	Số sách phát hành		Triệu bản			
	Trong đó:					
8.1.1	Sách giáo khoa		Triệu bản			
8.2	Số xuất bản phẩm phát hành		Triệu bản			
8.2.1	Lịch Bloc		Triệu bản			
8.2.2	Các mặt hàng khác		Triệu bản			
9	Xuất nhập khẩu (nếu có)		Tờ, bản			
9.1	Nhập khẩu:					
9.1.1	Tổng số sách					
9.1.2	Tổng số xuất bản phẩm không phải sách					

9.2	Xuất khẩu:				
9.2.1	Tổng số sách				
9.2.2	Tổng số xuất bản phẩm không phải sách				
10	Tổng số doanh thu	Tỷ đồng			
	Trong đó:				
	- Doanh thu từ sách				
	- Doanh thu từ xuất bản phẩm				
11	Tổng kim ngạch xuất khẩu <i>(nếu có)</i>	Triệu USD			
12	Tổng kim ngạch nhập khẩu <i>(nếu có)</i>	Triệu USD			
13	Tổng các khoản nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng			Năm
14	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng			Năm

NGƯỜI LẬP BIỂU*(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)***GIÁM ĐỐC***(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 13*(Áp dụng đối với các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

BÁO CÁO**Tình hình hoạt động phát thanh/truyền hình***(Kỳ báo cáo: 06 tháng/01 năm)*

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

I. Cơ cấu tổ chức

1. Tổng số nhân sự, nêu rõ sự tăng/giảm về số lượng nhân sự (Đối với báo cáo năm, thống kê rõ về Giới tính, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, Đảng, Đoàn).

2. Số lượng phòng, ban chuyên môn.

II. Kết quả công tác trong tháng/quý/năm

1. Việc thực hiện Giấy phép đã được cấp:

a) Thời lượng chương trình tự sản xuất mới của kênh chương trình/ngày.

b) Thời lượng phát sóng mới của kênh chương trình/ngày.

c) Cơ cấu tỷ trọng các chuyên mục trên kênh theo bảng cấu tạo khung chương trình cơ bản.

2. Trọng tâm của công tác tuyên truyền:

a) Ưu điểm.

b) Hạn chế.

c) Nguyên nhân.

3. Hoạt động nghiệp vụ sản xuất chương trình:

a) Trên sóng phát thanh

- Tổng số tin, bài, chương trình đã phát.

- Tổng thời lượng (số giờ) đã phát (phát mới, phát lại).

- Số giờ/chương trình tiếng dân tộc.

- Số giờ/chương trình tiếng nước ngoài.

- Số giờ tiếp sóng các kênh của VOV (nếu có, nếu tiếp nhiều kênh, ghi cụ thể).

- Một số chương trình tiêu biểu.

b) Trên sóng truyền hình

- Tổng số tin, bài, chương trình đã phát.
- Tổng thời lượng (số giờ) đã phát (phát mới, phát lại).
- Một số chương trình tiêu biểu.
- Số giờ/chương trình tiếng dân tộc.
- Số giờ/chương trình tiếng nước ngoài.
- Số giờ tiếp sóng các kênh của VTV (nếu có, nếu tiếp nhiều kênh, ghi cụ thể).
- Một số chương trình tiêu biểu.

4. Hoạt động kỹ thuật:

5. Công tác phát triển sự nghiệp:

a) Công tác tổ chức, đào tạo.

b) Công tác đoàn thể.

5. Kết quả truyền dẫn, phát sóng kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu trên hệ thống dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền của các doanh nghiệp cung cấp trên địa bàn:

6. Diện phủ sóng của kênh phát thanh, kênh truyền hình:

7. Các hạ tầng truyền dẫn phát sóng kênh phát thanh, kênh truyền hình:

8. Loại hình hoạt động:

- Đơn vị sự nghiệp tự chủ tài chính hoàn toàn.
- Đơn vị sự nghiệp tự chủ 1 phần. Nêu rõ nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp.
- Đơn vị sự nghiệp không tự chủ tài chính. Nêu rõ nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp.

9. Kết quả doanh thu (đối với báo cáo quý và năm):

- Doanh thu trước thuế (bao gồm doanh thu quảng cáo và các nguồn thu khác).
- Lợi nhuận sau thuế.
- Nộp ngân sách nhà nước (đối với báo cáo năm).

10. Chi phí sản xuất chương trình:

11. Chi phí mua bản quyền:

...

**Người đứng đầu tổ chức hoạt động
phát thanh/truyền hình**
(Ký tên, đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 14*(Áp dụng đối với các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

BÁO CÁO

Số lượng, thời lượng chương trình dành cho trẻ em

(Kỳ báo cáo: Năm)

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
 (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

STT	Nội dung	Kênh gắn với Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình		Kênh có tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ là trẻ em; có nội dung chuyên biệt dành cho trẻ em		Kênh phát thanh, kênh truyền hình khác	
1.	Tổng số lượng chương trình về trẻ em trong năm						
2.	Tổng thời lượng phát sóng chương trình về trẻ em trong năm (phút)						
3.	Tỷ lệ thời lượng chương trình phát sóng về trẻ em trong năm trên tổng thời lượng phát sóng kênh chương trình (%)						
3.1.	Trong tháng cao điểm						
3.2.	Trong cả năm						
4.	Việc thực hiện phát sóng chương trình cho trẻ em theo Quy định tại Điều 5 Thông tư số 09/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 quy						

	định về tỷ lệ nội dung, thời điểm, thời lượng dành cho trẻ em và cảnh báo nội dung không phù hợp với trẻ em trên báo nói, báo hình, báo in, báo điện tử và xuất bản phẩm <i>Ghi chú: Nếu thực hiện đúng quy định, đánh dấu (X). Nếu không thực hiện đúng quy định, ghi rõ lý do.</i>						
--	--	--	--	--	--	--	--

**Người đứng đầu tổ chức
hoạt động phát thanh/truyền hình**
(Ký tên, đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 15*(Áp dụng đối với các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

BÁO CÁO

Số lượng, thời lượng chương trình dân tộc
trên phát thanh, truyền hình
(Kỳ báo cáo: Năm)

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
 (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

STT	Nội dung	Kênh phát thanh, kênh truyền hình gắn với Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình		Kênh phát thanh, kênh truyền hình có tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ là người dân tộc; có nội dung chuyên biệt dành cho người dân tộc		Kênh phát thanh, kênh truyền hình khác	
		(Tên kênh PT)	(Tên kênh TH)	(Tên kênh PT)	(Tên kênh TH)	(Tên kênh PT)	(Tên kênh TH)
1.	Tổng số lượng chương trình phát sóng trong năm						
2.	Tổng thời lượng phát sóng trong năm (phút)						
3.	Các ngôn ngữ tiếng dân tộc phát sóng trên kênh						
4.	Khung giờ phát sóng trong ngày						

Người đứng đầu tổ chức
hoạt động phát thanh/truyền hình
(Ký tên, đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 16*(Áp dụng đối với các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

BÁO CÁO

Số lượng, thời lượng phim Việt Nam,
phim dành cho trẻ em dưới 16 tuổi trên truyền hình
(Kỳ báo cáo: Năm)

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
 (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

STT	Nội dung	Kênh truyền hình gắn với Giấy phép hoạt động truyền hình		Các kênh truyền hình khác (đối với các Đài PTTH có kênh TH thứ hai trở lên)	
		Phim Việt Nam	Phim cho trẻ em dưới 16 tuổi	Phim Việt Nam	Phim cho trẻ em dưới 16 tuổi
1.	Tổng số lượng đầu phim phát sóng trong năm				
2.	Tổng thời lượng phát sóng trong năm (phút)				
	+ Phát mới				
	+ Phát lại				
3.	Tỷ lệ thời lượng phát sóng phim Việt Nam/ phim cho trẻ em dưới 16 tuổi trên tổng thời lượng phát sóng phim trong năm (%)				
4.	Các khung giờ phát sóng trong ngày				

Người đứng đầu tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình
(Ký tên, đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 17

(Áp dụng đối với các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình
có thực hiện hoạt động liên kết sản xuất)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ
HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH,
TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm 20..

V/v báo cáo định kỳ hoạt động liên kết sản
xuất chương trình phát thanh, truyền hình.

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT
SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH, KÊNH CHƯƠNG TRÌNH**

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình

- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email (nếu có):
- Website (nếu có):
- Số Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình:
Cấp lần đầu ngày.... tháng.... năm....
Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày.... tháng.... năm....
Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày tháng.... năm....

2. Báo cáo kênh chương trình liên kết

STT	Kênh chương trình liên kết	Thời gian phát sóng của kênh chương trình liên kết	Thời điểm bắt đầu thực hiện hoạt động liên kết (ghi cụ thể ngày, tháng, năm)	Thời lượng liên kết trên kênh	Hình thức liên kết	Thời hạn liên kết	Thông tin về đối tác liên kết	
							Tên đối tác	Địa chỉ
1	- Tên kênh chương trình: - Tôn chỉ, mục đích kênh			Theo thời lượng của kênh chương trình VD: 24h/ngày; 18h/ngày	Liên kết cả kênh			

3. Báo cáo chương trình liên kết

STT	Chương trình	Định dạng	Thời điểm	Thời gian	Thời lượng	Tỷ lệ %	Kênh phát	Hình thức	Thời hạn	Thông tin về đối
-----	-----------------	--------------	--------------	--------------	---------------	------------	--------------	--------------	-------------	---------------------

	liên kết	chương trình	phát sóng (ghi cụ thể ngày, tháng, năm)	phát sóng	phát sóng	trong tổng thời lượng chương trình phát sóng lần 1 trong/ ngày	sóng chương trình liên kết	liên kết	liên kết	tác liên kết	
										Tên đối tác	Địa chỉ
1	- Tên chương trình: - Nội dung	Ví dụ: Tọa đàm/ truyền hình trực tiếp/ phóng sự...					Ví dụ: VTV3				

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản;
-;
- Lưu:

**Người đứng đầu cơ quan
báo chí hoạt động phát
thanh/ truyền hình
(Ký tên, đóng dấu)**

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 18

*(Áp dụng đối với các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình
có thực hiện hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ
HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH,
TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày.... thángnăm 20....

V/v báo cáo hoạt động sản xuất, biên
tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, BIÊN TẬP,
BIÊN DỊCH NỘI DUNG THEO YÊU CẦU

*(Dành cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình
có thực hiện hoạt động này)*

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình

- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email (nếu có):
- Website (nếu có):
- Số Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình:
Cấp lần đầu ngày.... tháng.... năm....
Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày.... tháng.... năm....
Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày tháng.... năm....

2. Thời kỳ báo cáo: *(Đánh dấu vào ô trống phù hợp)*

- Báo cáo định kỳ theo năm ☐
- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan QLNN ☐

3. Báo cáo hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu

STT (1)	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu (AOD, VOD) (2)	Nhóm nội dung thực hiện (3)	Số lượng chương trình				Tổng thời lượng chương trình (đơn vị: phút)			
			Chương trình trong nước		Chương trình nước ngoài		Chương trình trong nước		Chương trình nước ngoài	
			Sản xuất (4)	Biên tập (5)	Biên dịch (nếu có) (6)	Biên tập (7)	Sản xuất (8)	Biên tập (9)	Biên dịch (nếu có) (10)	Biên tập (11)

1	Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ AOD, VOD	Chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội								
		Phim								
		Chương trình thể thao, giải trí								

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản;
-;
- Lưu:

**Người đứng đầu cơ quan báo chí hoạt động
phát thanh, truyền hình**
(Ký tên, đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 19*(Áp dụng đối với các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ)***TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

V/v báo cáo định kỳ 6 tháng.

... .., ngày tháng năm 20...

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi:

- Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Sở Văn hóa và Thể thao.

I. Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:
- Số Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Chứng nhận đăng ký đầu tư:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Website:
- Tổng số nhân sự:
- Số Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:
- Số Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình:

II. Thời kỳ báo cáo: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Năm:

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 6 tháng đầu năm (Số liệu báo cáo từ ngày 20/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 19/6 của năm báo cáo) ☐
- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 12 tháng (Số liệu báo cáo từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến 14/12 của năm báo cáo) ☐

III. Nội dung báo cáo:**1. Doanh thu, sản lượng:***Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Tên Chỉ tiêu	Số liệu do doanh nghiệp tổng hợp	Số liệu đã được kiểm toán (nếu có)	Ghi chú
1	Tổng nguồn vốn			
2	Tổng vốn chủ sở hữu			
3	Tổng doanh thu			

4	Doanh thu dịch vụ truyền hình trả tiền (<i>kê khai đối với từng loại dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp cung cấp nhiều hơn 1 loại hình dịch vụ</i>)			
5	Lợi nhuận trước thuế			
6	Thuế, phí và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước			

2. Số lượng thuê bao theo từng loại hình dịch vụ:

Đơn vị tính: Thuê bao

STT	Tên tỉnh, thành phố	Số thuê bao truyền hình trả tiền trên địa bàn cung cấp						
		Truyền hình			Truyền hình mặt đất kỹ thuật số	Truyền hình qua vệ tinh	Truyền hình di động	Phát thanh, truyền hình trên mạng Internet/OTT
		Cáp tương tự	Cáp kỹ thuật số	Cáp giao thức Internet (IPTV)				
1	TP Hà Nội							
2	Hà Giang							
...	...							
63	Cà Mau							
Tổng số								
Tổng số thuê bao của doanh nghiệp								
Tỷ lệ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước								

3. Công nghệ kỹ thuật: (*)

STT	Tên chỉ tiêu	Nội dung báo cáo	Ghi chú
1	Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đang áp dụng		Liệt kê các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đang áp dụng với từng loại hình dịch vụ (<i>trường hợp doanh nghiệp cung cấp nhiều hơn 1 loại hình dịch vụ</i>)
2	Quy trình quản lý chất lượng dịch vụ đang áp dụng		Nêu tên, số hiệu các văn bản do cấp thẩm quyền của doanh nghiệp ban hành (<i>trường hợp doanh nghiệp cung cấp nhiều hơn 1 loại hình dịch vụ</i>)

Ghi chú: (*) chỉ cung cấp thông tin trong báo cáo định kỳ 12 tháng.

4. Nội dung thông tin trên dịch vụ:**4.1. Kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu**
(Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

- Cung cấp đủ theo quy định: ☐
- Cung cấp không đủ theo quy định: ☐

Lý do:.....

4.2. Kênh chương trình cài đặt biểu tượng dịch vụ:

- Kênh.....
- Kênh.....
-

4.3. Gói kênh, giá cước:

STT	Gói kênh	Tên gói kênh	Giá gói cước	Thông tin về kênh chương trình phát thanh, truyền hình	
				Các loại kênh chương trình	Số lượng
1	Gói cơ bản			Kênh trong nước	
				Kênh nước ngoài	
2	Gói nâng cao 1 (nếu có)			Kênh trong nước	
				Kênh nước ngoài	
	Gói nâng cao 2 (nếu có)			Kênh trong nước	
				Kênh nước ngoài	
	Gói nâng cao 3 (nếu có)			Kênh trong nước	
				Kênh nước ngoài	
	...				

4.4. Dịch vụ theo yêu cầu/ dịch vụ giá trị gia tăng: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

- Dịch vụ theo yêu cầu:
- + Cung cấp dịch vụ theo yêu cầu: Có ☐ Không ☐
- + Hồ sơ theo dõi dịch vụ theo yêu cầu: Có ☐ Không ☐
- Dịch vụ giá trị gia tăng:
- + Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng: Có ☐ Không ☐
- + Hồ sơ theo dõi dịch vụ giá trị gia tăng: Có ☐ Không ☐

5. Cung cấp dịch vụ thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh: (nếu có)

STT	Tên địa bàn tỉnh, thành phố	Số Giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp	Số khách hàng sử dụng dịch vụ		Danh sách kênh truyền hình nước ngoài đang cung cấp
			Tổ chức	Cá nhân	
1	TP Hà Nội				
2	Hà Giang				
...					
63	Cà Mau				
Tổng số					

6. Các thông tin khác:

STT	Nội dung		Số liệu
1	Đánh giá việc thực hiện cam kết theo Giấy phép được cấp (nếu có)		
2 (*)	Các biên động trong hoạt động của doanh nghiệp	Thông tin về hoạt động mua/ bán/ sát nhập: Tên doanh nghiệp, tỷ lệ/ cơ cấu vốn sở hữu vốn,...	
		Khác:....	
3	Kiến nghị, đề xuất (nếu có)		

Ghi chú:

- (*): Báo cáo khi có biến động mới

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Doanh nghiệp báo cáo định kỳ với các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các số liệu phù hợp với địa bàn quản lý của Sở.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 20
(Áp dụng đối với các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

V/v báo cáo định kỳ số liệu nội
dung cung cấp trên dịch vụ phát
thanh, truyền hình trả tiền.

... .., ngày tháng năm 20...

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP NỘI DUNG
TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

I. Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:
- Số Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Chứng nhận đăng ký đầu tư:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Website:
- Số Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

II. Thời kỳ báo cáo: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Năm:

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 6 tháng đầu năm (Số liệu báo cáo từ 20/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 19/6 của năm báo cáo) ☐
- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 12 tháng (Số liệu báo cáo từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của năm báo cáo) ☐

III. Nội dung báo cáo:

1. Kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu đối với dịch vụ có cung cấp kênh chương trình (đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

- Cung cấp đủ theo quy định: ☐
- Cung cấp không đủ theo quy định: ☐

Lý do:

- Tỷ lệ người xem kênh thiết yếu (đối với dịch vụ truyền hình cáp IPTV và dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet):

STT	Tên kênh	Số lượt thuê bao xem kênh trong kỳ báo cáo	Thời gian trung bình một thuê bao xem kênh trong kỳ báo cáo	Khung giờ có số lượt thuê bao xem nhiều trong kỳ báo cáo
1	VTV 1			
2	ANTV			

3	QPVN			
...	...			

2. Dịch vụ theo yêu cầu/ dịch vụ giá trị gia tăng: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

- Dịch vụ theo yêu cầu:

+ Nội dung dịch vụ theo yêu cầu:

☐

Không ☐

STT	Nhóm chương trình	Số lượng chương trình trên dịch vụ (tập/phần)		Tổng thời lượng chương trình trên dịch vụ (phút)	
		Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài
	1	2		3	
1	Chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội.				
2	Phim (*).				
3	Chương trình thể thao, giải trí.				

Ghi chú: () doanh nghiệp cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet có trách nhiệm thông báo danh sách và kết quả phân loại phim tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi cung cấp trên dịch vụ.*

+ Giá gói cước dịch vụ theo yêu cầu: (liệt kê đầy đủ thông tin về tên các gói cước, giá các gói cước nội dung theo yêu cầu):

+ Hồ sơ theo dõi dịch vụ theo yêu cầu:

Có

☐

Không

☐

- Dịch vụ giá trị gia tăng:

+ Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng:

Có

☐

Không

☐

+ Hồ sơ theo dõi dịch vụ giá trị gia tăng:

Có

☐

Không

☐

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 21
(Áp dụng đối với các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /
V/v báo cáo định kỳ.

... .., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH QUẢNG BÁ

Kính gửi: - Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;
 - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
 - Sở Văn hóa và Thể thao.

I. Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:.....
- Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Chứng nhận đăng ký đầu tư:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....
- Email:.....
- Website:.....
- Tổng số nhân sự:.....
- Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông/ Giấy chứng nhận đăng ký tên miền hoặc địa chỉ Internet xác định:.....

II. Thời kỳ báo cáo: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Năm:

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 6 tháng đầu năm (Số liệu báo cáo từ 20/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 19/6 của năm báo cáo) ☐

- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 12 tháng (Số liệu báo cáo từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của năm báo cáo) ☐

III. Nội dung báo cáo:

1. Doanh thu, sản lượng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Chỉ tiêu	Số liệu do doanh nghiệp tổng hợp	Số liệu đã được kiểm toán (nếu có)	Ghi chú
1	Tổng nguồn vốn			
2	Tổng vốn chủ sở hữu			
3	Tổng doanh thu			
4	Doanh thu dịch vụ truyền hình trả tiền (kê khai đối với từng loại dịch vụ trong trường hợp)			

	<i>doanh nghiệp cung cấp nhiều hơn 1 loại hình dịch vụ)</i>			
5	Lợi nhuận trước thuế			
6	Thuế, phí và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước			

2. Thông tin về dịch vụ:

Thời điểm bắt đầu triển khai cung cấp dịch vụ:.....

Biểu tượng dịch vụ:.....

Kênh chương trình cài đặt biểu tượng dịch vụ:.....

Phạm vi cung cấp dịch vụ:.....

3. Loại hình công nghệ cung cấp dịch vụ: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV ☐

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh ☐

Dịch vụ truyền hình di động ☐

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet ☐

4. Nội dung kênh chương trình trên dịch vụ:

STT	Danh mục các kênh chương trình trên dịch vụ	Thông tin về số, ngày, tháng của văn bản thỏa thuận tiếp nhận tín hiệu kênh chương trình hoặc thỏa thuận bản quyền nội dung kênh chương trình
1		
2		
...	...	

5. Công nghệ kỹ thuật: (*)

STT	Tên chỉ tiêu	Nội dung báo cáo	Ghi chú
1	Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đang áp dụng		Liệt kê các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đang áp dụng với từng loại hình dịch vụ (<i>trường hợp doanh nghiệp cung cấp nhiều hơn 1 loại hình dịch vụ</i>)
2	Quy trình quản lý chất lượng dịch vụ đang áp dụng		Nêu tên, số hiệu các văn bản do cấp thẩm quyền của doanh nghiệp ban hành (<i>trường hợp doanh nghiệp cung cấp nhiều hơn 1 loại hình dịch vụ</i>)

Ghi chú: () chỉ cung cấp thông tin trong báo cáo định kỳ 12 tháng.*

6. Kiến nghị, đề xuất: (nếu có)

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 22
(Áp dụng đối với các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ)

TÊN ĐƠN VỊ
CUNG CẤP DỊCH VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /
V/v báo cáo định kỳ
chất lượng dịch vụ

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

I. Thông tin đơn vị cung cấp dịch vụ:

- Tên đơn vị cung cấp dịch vụ:
- Địa chỉ:
- Loại hình và phương thức dịch vụ cung cấp (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Tên dịch vụ	Truyền hình quảng bá	Truyền hình trả tiền
Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số	☐	☐
Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự	☐	☐
Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số	☐	☐
Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV	☐	☐
Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh	☐	☐
Dịch vụ truyền hình di động	☐	☐
Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet	☐	☐
...		

II. Thời gian báo cáo: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Năm:

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 6 tháng đầu năm (số liệu báo cáo từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 19/6 của năm báo cáo) ☐
- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 6 tháng cuối năm (số liệu báo cáo từ ngày 20/6 đến ngày 14/12 của năm báo cáo) ☐

III. Nội dung báo cáo:

1. Chấp hành các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ:

(Chấp hành: Đánh dấu ☒; Chưa chấp hành: Đánh dấu x)

- Thực hiện công bố chất lượng theo quy định ☐
- Xây dựng mục quản lý chất lượng trên website ☐

Đường liên kết (link) đến mục quản lý chất lượng:

- Ban hành quy chế tự kiểm tra ☐

- Thực hiện giám sát dịch vụ thường xuyên ☐
- Thực hiện đo kiểm định kỳ ☐

2. Kết quả đo kiểm chất lượng dịch vụ

- Đơn vị thực hiện đo kiểm:

Địa chỉ:

- Thời gian thực hiện đo kiểm:

- Địa điểm đo kiểm: (địa điểm đo kiểm 1).

Dịch vụ: ...*(Tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ nhất)*...

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định:

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1					
2					
....					

Dịch vụ: ...*(Tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ hai)*...

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định:

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1					
2					
...					

Dịch vụ: ...*(Tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ ...)*

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định:

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1					
2					
....					

- Địa điểm đo kiểm: (địa điểm đo kiểm 2).

Dịch vụ: ...*(Tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ nhất)*...

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định:

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
-----	--------------	---	-------------	----------------------------	---------

		quốc gia)			
1					
2					
....					

Dịch vụ: ... (Tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ hai)...

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định:

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1					
2					
...					

Dịch vụ: ... (Tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ ...)...

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định:

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1					
2					
....					

- Địa điểm đo kiểm: (địa điểm đo kiểm ...).

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

....., ngày tháng năm

Đơn vị cung cấp dịch vụ

(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý: Kết quả đo kiểm theo từng tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 22*(Áp dụng đối với các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình)***TÊN ĐƠN VỊ
CUNG CẤP DỊCH VỤ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

V/v báo cáo định kỳ
chất lượng dịch vụ**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao...

I. Thông tin đơn vị cung cấp dịch vụ:

- Tên đơn vị cung cấp dịch vụ:
- Địa chỉ:
- Loại hình và phương thức dịch vụ cung cấp (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Tên dịch vụ	Truyền hình quảng bá	Truyền hình trả tiền
<i>Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số</i>	☐	☐
<i>Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự</i>	☐	☐
<i>Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số</i>	☐	☐
<i>Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV</i>	☐	☐
<i>Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh</i>	☐	☐
<i>Dịch vụ truyền hình di động</i>	☐	☐
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet</i>	☐	☐
....		

II. Thời gian báo cáo: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Năm:

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 6 tháng đầu năm (số liệu báo cáo từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo - 19/6 của năm báo cáo) ☐
- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 6 tháng cuối năm (số liệu báo cáo từ 20/6 - 14/12 của năm báo cáo) ☐

III. Nội dung báo cáo:**1. Chấp hành các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ:**(Chấp hành: Đánh dấu ☒; Chưa chấp hành: Đánh dấu x)

- Thực hiện công bố chất lượng theo quy định ☐

- Xây dựng mục quản lý chất lượng trên website ☐

Đường liên kết (link) đến mục quản lý chất lượng:

- Ban hành quy chế tự kiểm tra ☐

- Thực hiện giám sát dịch vụ thường xuyên ☐

2. Kết quả đo kiểm chất lượng dịch vụ

- Đơn vị thực hiện đo kiểm:

- Địa chỉ:

- Thời gian thực hiện đo kiểm:

Dịch vụ: ...(Tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ nhất)...

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định:

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1					
2					
...					

Dịch vụ: ...(tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ hai)...

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định:

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1					
2					
...					

.....

Dịch vụ: ...(tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ ...)...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Cục PTTH&TTĐT;

- ...

- Lưu:

....., ngày ... tháng năm

Đơn vị cung cấp dịch vụ

(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý: Kết quả đo kiểm phù hợp phạm vi quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 23*(Áp dụng đối với các các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trong nước)***TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP THIẾT LẬP
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP***(Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...)*

Kính gửi: Cơ quan cấp giấy phép thiết lập trang thông tin
điện tử tổng hợp cho tổ chức, doanh nghiệp

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên giao dịch quốc tế:.....
- Tên viết tắt:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ văn phòng giao dịch:.....
- Điện thoại/Fax:.....
- Website:.....
- Thư điện tử:.....

3. Nội dung báo cáo (nếu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có hơn một trang thông tin điện tử tổng hợp cần báo cáo thì cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp báo cáo lần lượt theo nội dung sau):

- Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp số ... do...cấp ngày...tháng...năm....
- Tên trang: *(Tên miền, tên ứng dụng)*
- Nội dung thông tin đang cung cấp, các chuyên mục chính:
- Tổng số nhân sự phục vụ hoạt động trang thông tin điện tử tổng hợp; tăng, giảm so với kỳ báo cáo trước.
- Số lượng nhân sự quản lý nội dung:
- Danh sách cơ quan báo chí có thỏa thuận hợp tác cung cấp nguồn tin *(kèm theo văn bản thỏa thuận cung cấp nguồn tin phát sinh trong kỳ báo cáo, nếu có)*:
- Tần suất cập nhật tin, bài *(tính bằng đơn vị/ngày)*; tăng, giảm so với kỳ báo cáo trước.

- Báo cáo về hoạt động liên kết nếu tổ chức, doanh nghiệp có liên kết với cơ quan báo chí theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 24 Nghị định số ... ngày ... của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Lượt xem trung bình/tháng (*Page view/tháng*); tăng, giảm so với kỳ báo cáo trước.

- Lượt truy cập trung bình/tháng (*Unique Visitor/tháng*); tăng, giảm so với kỳ báo cáo trước.

- Các dịch vụ phát sinh doanh thu của trang thông tin điện tử tổng hợp:

- Doanh thu trong kỳ báo cáo:

- Danh sách, số lượng khiếu nại của các cá nhân, tổ chức khác đối với thông tin trên trang thông tin điện tử tổng hợp: Người khiếu nại, nội dung khiếu nại, kết quả giải quyết khiếu nại:

- Các hành vi vi phạm về nội dung trong kỳ báo cáo đã bị nhắc nhở, xử lý vi phạm:

STT	Thời gian	Nội dung vi phạm	Cơ quan yêu cầu xử lý (Bộ VHTTDL, Sở TT&TT, Doanh nghiệp tự phát hiện)	Kết quả xử lý

- Các vấn đề về kỹ thuật đã gặp phải trong kỳ báo cáo (nếu có):

- Kiến nghị, đề xuất (nếu có):

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về báo cáo tình hình triển khai giấy phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 24*(Áp dụng đối với các nền tảng cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam)***TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**
(Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm ...)

Kính gửi: - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử);
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch địa phương.

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:

2. Nội dung báo cáo (nếu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có hơn một mạng xã hội cần báo cáo thì cơ quan, tổ chức báo cáo lần lượt theo nội dung sau):

- Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội số ... do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp ngày...tháng...năm.....

- Tên trang: (Tên miền, tên ứng dụng)

- Các dịch vụ có phát sinh doanh thu:

- Doanh thu trong kỳ báo cáo:

- Tổng số nhân sự phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ mạng xã hội:..... (trong đó....nam,nữ)

- Số lượng đơn thư khiếu nại của cá nhân, tổ chức khác đối với thông tin trên mạng xã hội: nội dung khiếu nại, kết quả giải quyết khiếu nại.

- Kiến nghị, đề xuất (nếu có):

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về báo cáo tình hình triển khai giấy phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 25*(Áp dụng đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng)***TÊN TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày tháng... năm...

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CUNG CẤP THÔNG TIN XUYÊN BIÊN GIỚI TẠI VIỆT NAM**Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).**1. Thông tin chung:**

- Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân:.....

- Các dịch vụ cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam:.....

2. Báo cáo chi tiết các dịch vụ cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam:

- Số lượng tài khoản người sử dụng thường xuyên tại Việt Nam (monthly active user):.....

- Doanh thu phát sinh tại Việt Nam trong năm:.....

- Số lượng nội dung vi phạm pháp luật đã được ngăn chặn, gỡ bỏ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền:.....

- Số lượng xử lý khiếu nại của người sử dụng dịch vụ:.....

3. Kiến nghị, đề xuất (nếu có):*Nơi nhận:*

- Như trên;

.....

- Lưu:...

**XÁC NHẬN CỦA CÁ NHÂN/
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 26*(Áp dụng đối với các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch /Sở Văn hóa và Thể thao)***TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

... .., ngày ... tháng ... năm

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ
TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ TRÊN MẠNG***(Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm ...)*

Kính gửi: - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử);
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ...

I. Thông tin chung:**1. Tên doanh nghiệp:** *(Ghi bằng chữ in hoa)*

- Tên giao dịch quốc tế:

- Tên viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ văn phòng giao dịch:.....

- Điện thoại: Fax:

- Website giới thiệu hoạt động của công ty

- Website cung cấp dịch vụ:

- Người quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Số điện thoại liên hệ:

II. Số liệu chung về hoạt động cung cấp dịch vụ:- Số lượng trò chơi hiện đang phát hành tính đến thời điểm báo cáo (*tổng số, đánh giá tăng, giảm so với kỳ báo cáo trước*):

- Số lượng trò chơi hiện đã dừng phát hành:

- Số lượng nhân sự hiện có (nam/nữ); tăng, giảm so với kỳ báo cáo trước:.....

- Doanh thu:

+ Doanh thu trong 6 tháng qua; tăng, giảm so với kỳ báo cáo trước (*đối với báo cáo định kỳ 6 tháng/lần*).

+ Doanh thu trong năm: tăng, giảm so với kỳ báo cáo kỳ trước (*đối với báo cáo định kỳ cuối năm*).

+ Số tiền nộp ngân sách nhà nước (*báo cáo cuối năm*).

- Các thay đổi khác (*nếu có*): địa điểm đặt máy chủ, tên miền, kênh phân phối, nhân sự quản lý, những thay đổi liên quan nội dung trò chơi ...

III. Từng trò chơi

Bảng kê các trò chơi điện tử đã và đang cung cấp trong 06 tháng/01 năm qua, bao gồm các thông tin:

I. TRÒ CHƠI G1

TT	Tên trò chơi	Số, ngày tháng cấp giấy phép phát hành trò chơi	Ngày, tháng, năm bắt đầu cung cấp trò chơi	Số lượng máy chủ, địa điểm đặt máy chủ	Số lượng nhân sự tham gia vận hành trò chơi	Doanh thu tính đến thời điểm báo cáo	Số vụ tranh chấp, khiếu nại của người chơi; biện pháp xử lý	Phân loại trò chơi theo độ tuổi	Số lượng người chơi	Web cung cấp trò chơi/ hệ thống đại lý
1										
2										

2. TRÒ CHƠI G2, G3, G4

TT	Tên trò chơi	Loại trò chơi (G2, G3 hay G4)	Số, ngày tháng năm của giấy chứng nhận phát hành trò chơi	Ngày, tháng, năm bắt đầu cung cấp trò chơi	Số lượng máy chủ, địa điểm đặt máy chủ	Số lượng nhân sự tham gia vận hành trò chơi	Doanh thu tính đến thời điểm báo cáo	Phân loại theo độ tuổi
1								
2								

3. CÁC TRÒ CHƠI ĐÃ NGỪNG CUNG CẤP

TT	Tên trò chơi	Loại trò chơi (G1, G2, G3 hay G4)	Ngày, tháng, năm dừng phát hành	Lý do dừng phát hành
1				
2				

4. NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TRÒ CHƠI

TT	Tên trò chơi	Nội dung thay đổi, bổ sung (liệt kê chi tiết)
1		

- Những khó khăn, vướng mắc:

- Kiến nghị, đề xuất:

Nơi nhận:

- Cục PTTH&TTĐT;
- Sở VHTTDL/VHTT các địa phương;
- Lưu:

XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 27*(Áp dụng đối với các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)***UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...
SỞ VH TTDL/VHTT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ
THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRÊN MẠNG**Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)**1. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về thông tin điện tử tại địa phương****1.1. Thống kê chung:**

Trong 06 tháng ... năm..., trên địa bàn tỉnh... có:

- trang thông tin điện tử có tên miền .vn
- ... trang thông tin điện tử có tên miền quốc tế

Trong đó: có ... trang thông tin điện tử đã được cấp Giấy phép (gồm: ... doanh nghiệp, ... cơ quan tổ chức, ... tổ chức tôn giáo, ... khác)

So với cùng kỳ năm trước, tăng/giảm%

1.2. Công tác ban hành, hướng dẫn triển khai các văn bản về quản lý**1.3. Đánh giá thực thi pháp luật của các đối tượng quản lý**

- Về tình hình thực hiện các quy định tại giấy phép
- Về đáp ứng các điều kiện kỹ thuật, nội dung theo quy định
- Vấn đề khác

2. Những vấn đề phát sinh liên quan đến công tác quản lý, kiến nghị, đề xuất.**3. Phương hướng, nhiệm vụ trong 6 tháng tiếp theo.****Nơi nhận:**

- Như trên:
- Lưu:

GIÁM ĐỐC*(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 28*(Áp dụng đối với các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch / Sở Văn hóa và Thể thao)***UBND TỈNH/THÀNH PHỐ
SỞ VH TTDL/VH TT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

I. Lĩnh vực phát thanh, truyền hình

STT	Số QĐ xử phạt	Tên cá nhân/ tổ chức vi phạm	Hành vi vi phạm	Hình thức xử phạt chính	Hình thức xử phạt bổ sung	Ghi chú
1						
2						
...						

II. Lĩnh vực thông tin điện tử

STT	Số QĐ xử phạt	Tên cá nhân/ tổ chức vi phạm	Hành vi vi phạm	Hình thức xử phạt chính	Hình thức xử phạt bổ sung	Ghi chú
1						
2						
...						

....., ngày ... tháng ... năm.....

GIÁM ĐỐC*(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 29*(Áp dụng đối với các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)***UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...
SỞ VH TTDL/VHTT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ
TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ TRÊN MẠNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG***(Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm ...)*Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

Sở VH TTDL/Sở VHTT tỉnh/thành phố báo cáo hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng trên địa bàn từ ... đến hết ngày như sau:

I. Về công tác quản lý nhà nước

1. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý trò chơi điện tử;
2. Công tác ban hành, hướng dẫn triển khai các văn bản về quản lý trò chơi điện tử của địa phương;
3. Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng của doanh nghiệp đăng ký có trụ sở tại địa phương: tình hình thực hiện các quy định tại giấy phép, việc đáp ứng các điều kiện kỹ thuật, nội dung trò chơi, xử lý vi phạm (nếu có), những vấn đề phát sinh liên quan đến công tác quản lý, kiến nghị đề xuất;
4. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động cung cấp trò chơi điện tử trên mạng của các doanh nghiệp có hệ thống máy chủ đặt tại địa phương.

II. Về các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên địa bàn:

1. Bảng kê các trò chơi điện tử G2, G3 G4 đã cấp phép trong 06 tháng/01 năm qua, bao gồm các thông tin:

TT	Tên trò chơi	Tên DN được	Số GCN, ngày	Nguồn gốc trò chơi	Phân loại độ	Nội dung, kịch	Phạm vi cung cấp	Tên tổ chức, doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính/người đại diện
----	--------------	-------------	--------------	--------------------	--------------	----------------	------------------	---------------------------	-------------------------------------

		cấp	cấp		tuổi	bản		được cấp	theo pháp
								phép	luật

2. Bảng kê các trò chơi G2, G3 G4 dừng phát hành trong 06 tháng/01 năm qua, bao gồm các thông tin:

T	Tên trò chơi	Số GCN, ngày cấp	Ngày cấp	Tên DN được cấp	Văn bản thông báo dừng phát hành của DN	Thời hạn phát hành	Ghi chú

3. Bảng kê các doanh nghiệp Giấy chứng nhận/Giấy xác nhận bị đình chỉ, thu hồi, không còn hiệu lực dừng phát hành trong 06 tháng/01 năm qua, bao gồm các thông tin:

T	Số GCN, ngày cấp/GXN	Ngày cấp	Tên DN được cấp	Quyết định đình chỉ/thu hồi	Nội dung đình chỉ/thu hồi	Ghi chú

4. Các trò chơi điện tử trên mạng không phép hoặc trò chơi có nội dung vi phạm quy định của pháp luật về quản lý trò chơi điện tử trên mạng đang được cung cấp lại Việt Nam

TT	Tên trò chơi	Tên miền hoặc IP cung cấp trò chơi	Tên doanh nghiệp phát hành	Thẻ loại trò chơi (G1, G2, G3, G4)	Thu tiền tại Việt Nam (Có/Không)	Các phương thức thanh toán, hình thức thanh toán
1						
2						

III. Khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)